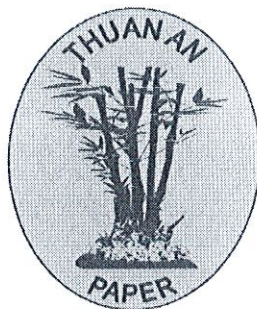




BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

(Công văn số 4740/UBCK-GSDC ngày 29/5/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIẤY THUẬN AN

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số: 3801140300 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 16/01/2017 đăng ký thay đổi lần 12 vào ngày 04/08/2025)

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIẤY THUẬN AN

Trụ sở chính : Lô A, Đường Đ4, KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại : 0274.3560 571

Website : <https://thuananpaper.com/vn>

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Tên Công ty: Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 18, Tòa nhà Times Square, 57-69F Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0247 1014 555

Website: <https://www.deloitte.com>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên : Ông Lê Đình Kính

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Điện thoại : 0982 557 054

Đồng Nai, tháng 07 năm 2026



MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG.....	4
1. Tóm tắt về quá trình hình thành và phát triển Công ty	4
2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty	4
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty	8
4. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	10
5. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty.....	15
6. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất.....	26
7. Hoạt động kinh doanh	27
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất và trong kỳ gần nhất ..	53
9. Vị thế của Công ty trong ngành	56
10. Chính sách đối với người lao động	58
11. Chính sách cổ tức	60
12. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và đến quý gần nhất.....	60
13. Tài sản cố định	73
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	77
15. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty.....	79
16. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	79
17. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty.....	82
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	82
1. Hội đồng quản trị	82
2. Ban kiểm soát.....	88
3. Tổng Giám đốc và người quản lý khác.....	91
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	96
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	96
6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định	96
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CAM KẾT CỦA CÔNG TY	99
1. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin công ty đại chúng	99
2. Cam kết của Công ty	99



CÁC KHÁI NIỆM/VIẾT TẮT

TỪ, NHÓM TỪ

DIỄN GIẢI

Công ty/Công ty Giấy Thuận An/Thuận An	:	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giấy Thuận An
Cổ phần	:	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	:	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	:	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	:	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.
Vốn điều lệ/VĐL	:	Số vốn do tất cả cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty.
BCTC	:	Báo cáo tài chính.
BTGD	:	Ban Tổng Giám đốc.
CTCP	:	Công ty cổ phần.
DTT	:	Doanh thu thuần.
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông.
HĐQT	:	Hội đồng quản trị.
BKS	:	Ban kiểm soát.
ĐKKD	:	Đăng ký kinh doanh.
BĐS	:	Bất động sản.
LNG	:	Lợi nhuận gộp.
GCN QSD đất	:	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.



I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt về quá trình hình thành và phát triển Công ty

1.1 Thông tin chung về Công ty

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIẤY THUẬN AN

Tên tiếng Anh : THUAN AN PAPER SERVICE TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : TA PAPER JSC

Trụ sở chính : Lô A, đường Đ4, KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại : 0274.3560.571

Website : <https://thuananpaper.com/vn>

Vốn điều lệ đăng ký : 2.700.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai nghìn bảy trăm tỷ đồng)

Vốn điều lệ thực góp : 2.700.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai nghìn bảy trăm tỷ đồng)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số: 3801140300 do Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 16/01/2017 đăng ký thay đổi lần 12 vào ngày 04/08/2025

Người đại diện theo pháp luật : Ông Lê Đình Kính – Tổng Giám đốc

Ngành nghề kinh doanh chính :

- Tái chế phế liệu.
Chi tiết: Tái chế giấy từ giấy phế liệu
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
Chi tiết: Bán buôn giấy các loại
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.
Chi tiết: Gia công máy cơ khí phục vụ ngành giấy
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp.
Chi tiết: Sản xuất máy cơ khí phục vụ ngành giấy
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác

1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu



- Mã chứng khoán: TAH
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 270.000.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phiếu
- Giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài: 0%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty tuân thủ quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, Thông tư 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các Hiệp định quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Ngày 10/6/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phát hành Công văn số 5206/UBCK-PTTT về việc hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 0%.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty thời điểm hiện tại (theo danh sách cổ đông chốt ngày 11/06/2026) là 0%.

2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

2.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

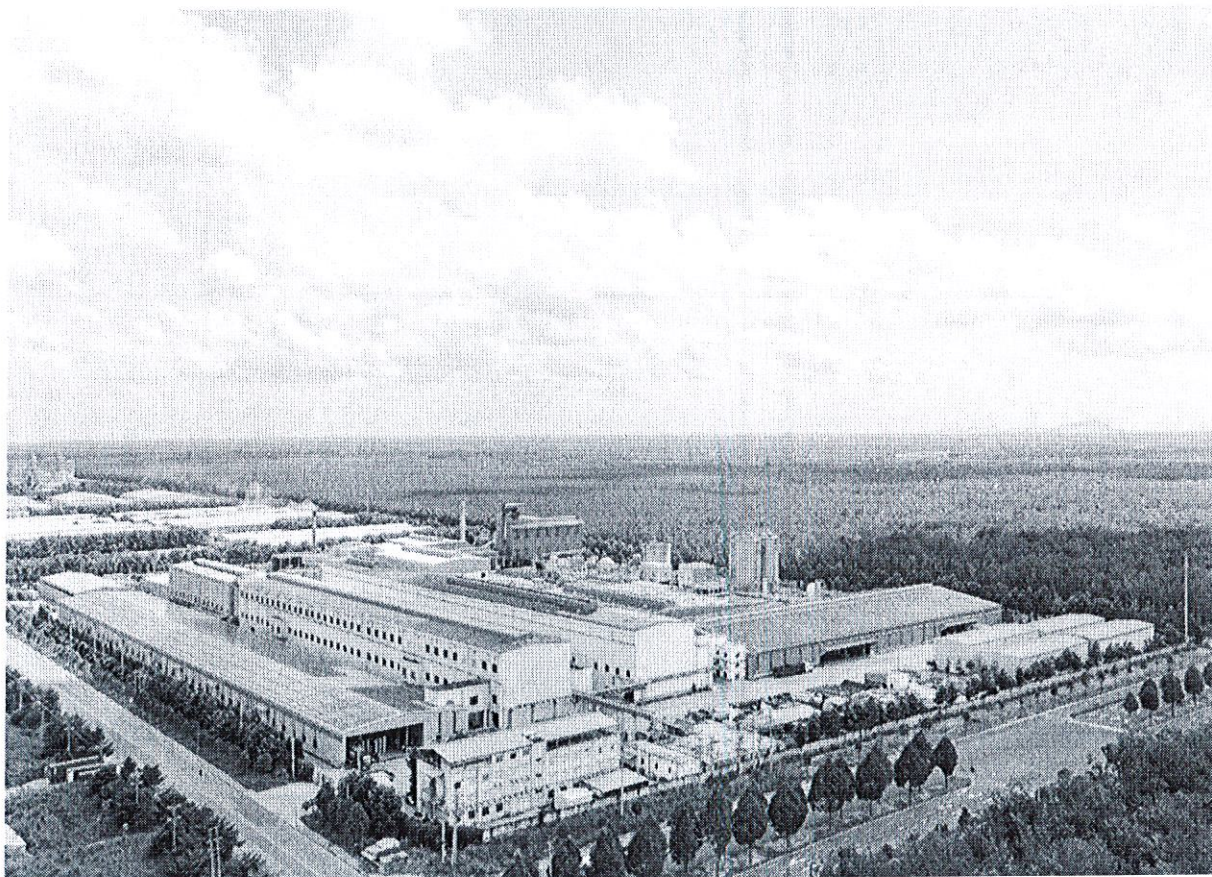
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giấy Thuận An (Công Ty Giấy Thuận An) được thành lập năm 2017 tại Khu Công Nghiệp Minh Hưng 3, tỉnh Bình Phước nay thuộc tỉnh Đồng Nai. Từ một doanh nghiệp bao bì quy mô nhỏ, sau gần 10 năm hình thành và phát triển, Công Ty Giấy Thuận An đã đạt được những bước tiến vượt bậc và trở thành một trong những thương hiệu giấy công nghiệp nội địa hàng đầu tại Việt Nam.
- Năm 2017, Công ty Triển khai giai đoạn một của dự án nhà máy Thuận An với máy 7 có công suất 250,000 tấn/năm, mở rộng thị phần trong nước và xuất khẩu sang nhiều quốc gia như Trung Quốc, Malaysia, Bangladesh, Cambodia, Philippines, Myanmar và Thái Lan.
- Năm 2022, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giấy Thuận An vinh dự được Bộ Công Thương công nhận là “Doanh nghiệp Xuất khẩu Uy tín” – đây là động lực lớn để Công Ty Giấy Thuận An tiếp tục phát huy tinh thần “Đam mê - Đổi mới - Đột phá”, tiến tới chinh phục những mục tiêu cao hơn.
- Năm 2023, Công ty Giấy Thuận An mua lại Công ty Giấy Khôi Nguyên nâng tổng sản lượng 2 nhà máy lên gần 370.000 tấn, và trở thành một trong năm công ty giấy lớn nhất Việt Nam, đồng thời mở rộng thị trường sang Châu Phi và Trung Đông.
- Năm 2024, Công ty tiếp tục hoàn thành giai đoạn 2 của nhà máy giấy Thuận An, với công suất

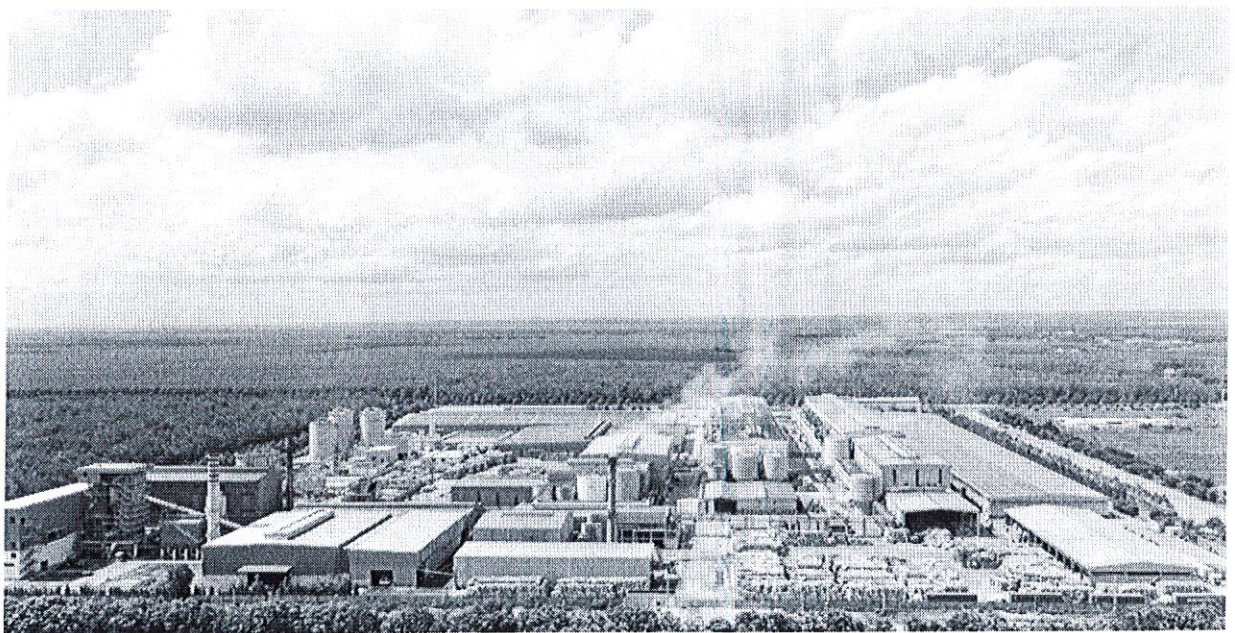
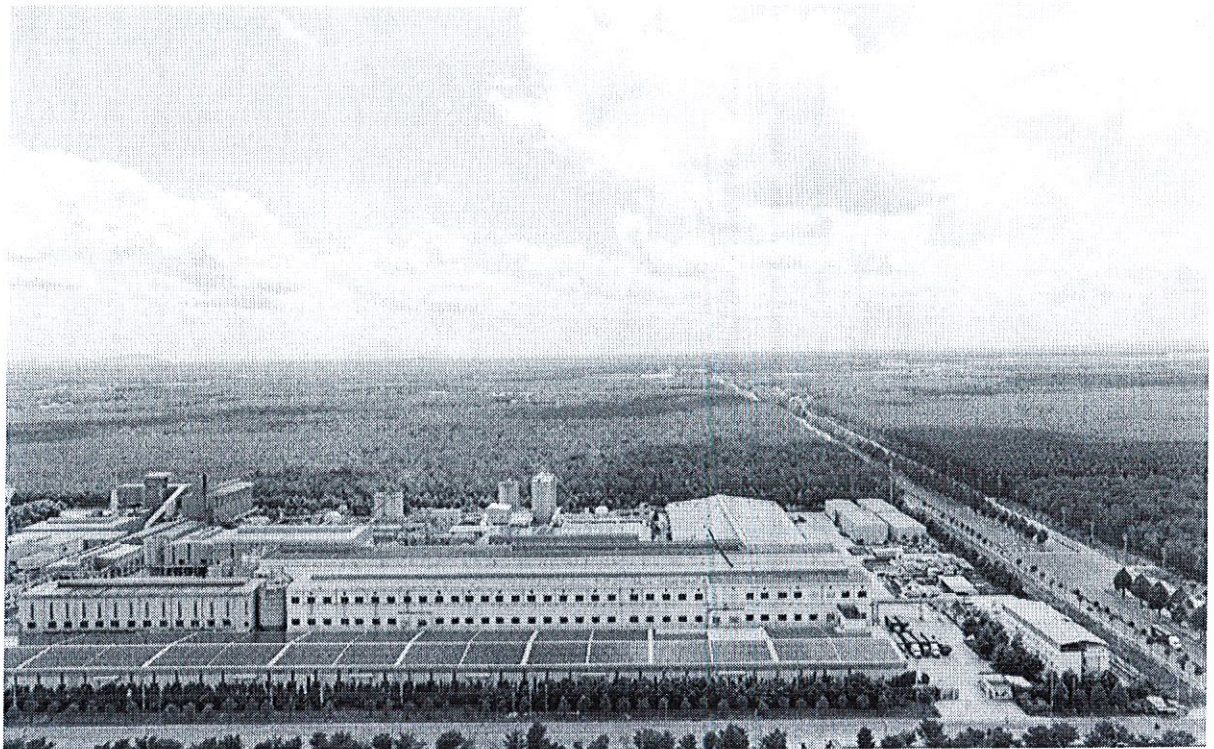


tăng thêm 250.000 tấn năm, nâng tổng công suất của Công ty Giấy Thuận An lên hơn 620.000 tấn/ năm để trở thành nhà máy giấy hàng đầu Việt Nam.

- Trong giai đoạn 2025-2028, Công ty Giấy Thuận An đặt mục tiêu nâng tổng sản lượng sản xuất lên 1.500.000 tấn/năm, thông qua việc nâng cấp dây chuyền hiện hữu, mở rộng công suất và đầu tư hệ thống xử lý môi trường đạt chuẩn quốc tế.
- Năm 2026, Công ty Giấy Thuận An chính thức trở thành Công ty Đại chứng với Vốn điều lệ 2.700 tỷ đồng.
- Trải qua gần 10 năm hình thành và phát triển, Công ty Giấy Thuận An đã từng bước khẳng định được vị trí và vai trò của mình trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp giấy công nghiệp. Định hướng phát triển bền vững với cam kết đi đầu về chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Tiên phong ứng dụng công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và hướng tới một ngành công nghiệp xanh, sạch. Công ty định vị mình là đối tác chiến lược hàng đầu của các doanh nghiệp sản xuất trong nước, đồng thời từng bước mở rộng hiện diện tại các thị trường khu vực thông qua năng lực cung ứng ổn định, sản phẩm chất lượng cao và cam kết dịch vụ chuyên nghiệp. Tầm nhìn của Giấy Thuận An không chỉ dừng lại ở chỉ số tăng trưởng, mà còn bao hàm trách nhiệm chuyển mình trở thành doanh nghiệp công nghiệp hiện đại – vận hành bền vững – gắn kết sâu với cộng đồng.

Hình ảnh nhà máy giấy Thuận An





(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giấy Thuận An)

2.2. Ngày Công ty đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15:

Công ty đáp ứng điều kiện là Công ty đại chứng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 vào ngày: 10/10/2025

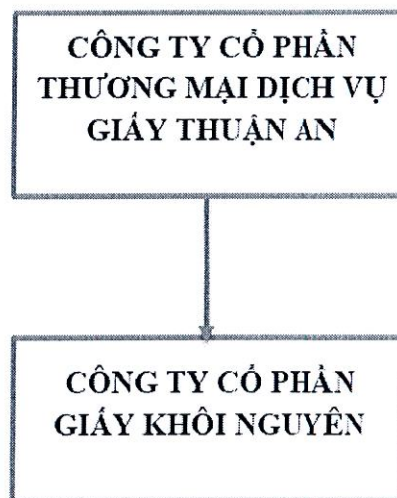
2.3. Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15:



- Vốn điều lệ: 2.700.000.000.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu:
 - + Theo Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2025: 3.251.778.497.387 đồng
 - + Theo Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2025: 3.403.587.877.874 đồng
- Số lượng cổ đông: 117 cổ đông
- Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 114 cổ đông
- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 40.431.600 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 14,975% vốn điều lệ)
- Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm nộp hồ sơ công ty đại chúng gần nhất (nếu có thay đổi):
 - + Số lượng cổ đông: 120 cổ đông
 - + Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 117 cổ đông
 - + Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 76.956.600 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 28,502%)

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ giấy Thuận An được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty. Các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán; các văn bản pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Hiện tại, Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con. Trong đó Công ty mẹ quản lý vốn góp tại các Công ty con. Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:



- Danh sách những công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng:
Không có
- Danh sách những công ty con của Công ty đại chúng và những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:
 - a. **Danh sách công ty con**
 - Tên Công ty: Công ty Cổ phần Giấy Khôi Nguyên

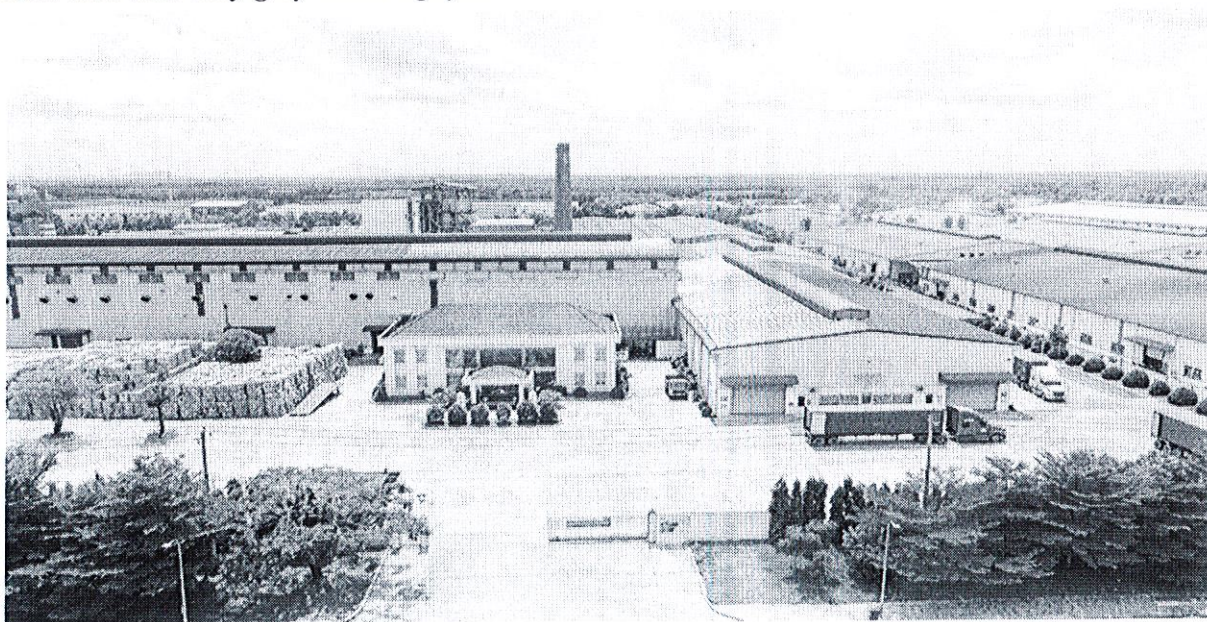


- Địa chỉ trụ sở chính: Lô H14-H15-H16, Đường Đ6, KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày thành lập: 30/10/2018
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801186697 do Sở Tài Chính Đồng Nai cấp lần đầu ngày 30/10/2018 cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 04/08/2025
- Hoạt động kinh doanh chính: Tái chế giấy từ giấy phế liệu; Thương mại sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì giấy từ bìa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Vốn điều lệ: 549.685.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Thuận An tại công ty con: 98%
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của công ty con tại Thuận An: 0%
- Kết quả hoạt động kinh doanh (Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Doanh thu thuần	785.319	1.204.640	1.238.076
2	Lợi nhuận gộp	24.049	50.536	124.726
3	Lợi nhuận trước thuế	(26.034)	36.525	96.573
4	Lợi nhuận sau thuế	(26.034)	35.659	89.143

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2023, 2024 và 2025 Khôi Nguyên)

Hình ảnh nhà máy giấy Khôi Nguyên



(Nguồn: Công ty Cổ phần Giấy Khôi Nguyên)

- b. **Danh sách công ty liên kết**
Không có

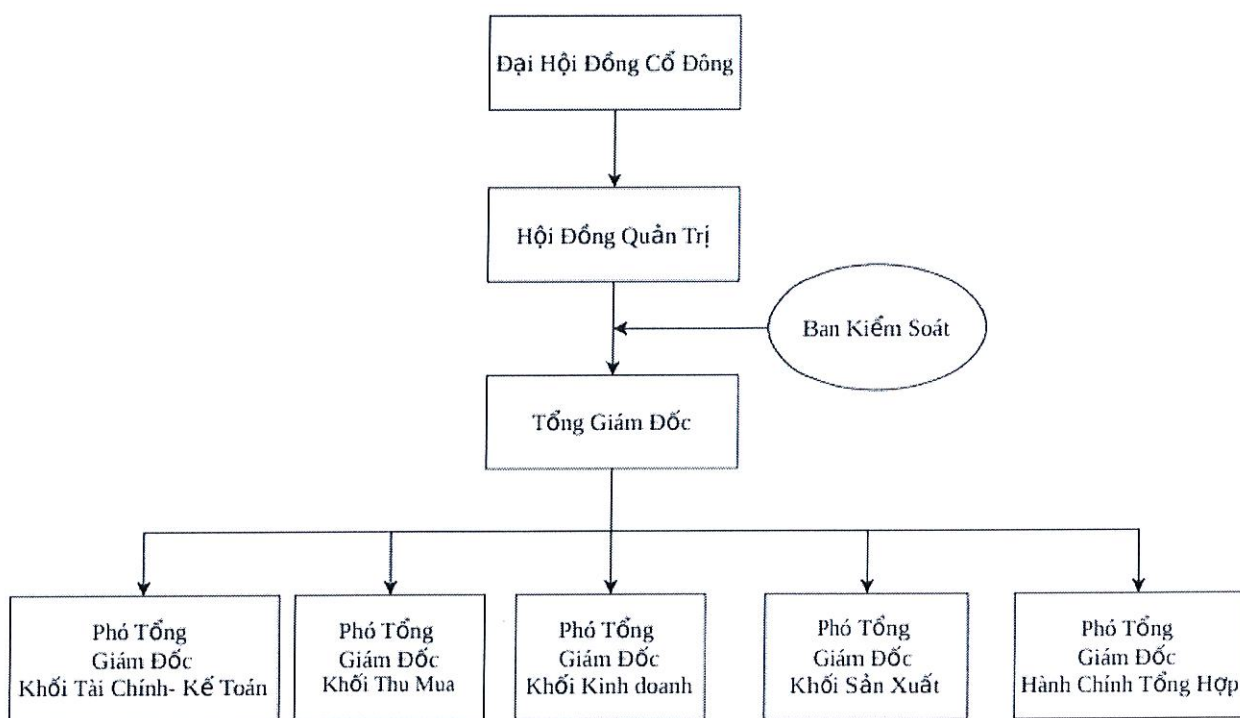


4. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan; cơ cấu tổ chức Công ty hiện tại như sau:

- ĐHĐCĐ và các cơ quan trực thuộc: ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS Công ty và các thành viên Hội đồng do HĐQT quyết định thành lập;
- Khối Cơ quan Công ty gồm các phòng ban: Ban Tổng Giám đốc, Khối Tài chính - Kế toán (Phòng Kế toán, Phòng Tài chính - Ngân hàng, Phòng Hành chính tổng hợp), Khối Sản xuất (Xưởng sản xuất, Phòng Quản lý chất lượng QA/QC), Khối Thu mua (Phòng Nguyên liệu giấy, Phòng Nguyên vật liệu phụ, Kho Nguyên liệu, Phòng Quản lý chất lượng QA/QC), Khối Kinh doanh (Phòng kinh doanh, Phòng Kế hoạch, Phòng Xuất nhập khẩu, Kho Thành phẩm).

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giấy Thuận An)

(1) Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định.

(2) Ban kiểm soát

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.



Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

(3) **Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 người, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Vai trò của HĐQT là định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng Giám đốc. Các quyền và nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và Pháp luật liên quan quy định.

(4) **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc hiện tại của Công ty bao gồm: (01) Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.
- Hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế của Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động và các quy định của pháp luật hiện hành.

(5) **Các phòng ban chức năng**



Có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng Giám đốc về quản lý chỉ đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khối Kế toán - Tài chính

❖ Phòng Kế toán

Phòng Kế toán thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính, đảm bảo tính minh bạch, chính xác và tuân thủ pháp lý. Ghi nhận, hạch toán toàn bộ nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Kế toán trưởng là người trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty.

- Hạch toán, kế toán, thanh toán cho các đối tượng.
- Quản lý, sử dụng hóa đơn GTGT.
- Tổng hợp kê khai nộp thuế, hoàn thuế.
- Báo cáo thống kê, quyết toán tài chính, thuế theo định kỳ của Nhà nước.
- Xử lý công nợ, thông báo kịp thời về hàng tồn kho với Khối kinh doanh của Công ty để có kế hoạch tiêu thụ.
- Mọi công việc điều hành và quản lý phải tuân thủ tuyệt đối hệ thống chuẩn mực Kế toán, pháp luật về thuế và những quy định quản lý tài chính – kế toán khác của Công ty và Nhà nước.

❖ Phòng Tài chính- Ngân hàng

- Lập kế hoạch dòng tiền, cân đối nguồn vốn phục vụ sản xuất – đầu tư.
- Làm việc với các tổ chức tín dụng để vay vốn, mở L/C, thanh toán quốc tế.
- Phân tích tài chính, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và rủi ro tài chính.

❖ Phòng Hành chính tổng hợp

Phòng hành chính tổng hợp là bộ phận hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý tổ chức, quản lý nhân sự, tuyển dụng và sử dụng lao động trong Công ty, quản lý các công việc hành chính hàng ngày của Công ty. Thực hiện tham mưu đảm bảo các bộ phận khác về việc tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động, xây dựng nội quy, quy chế của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện các chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động.
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ; đề nghị nâng lương, nâng bậc hàng năm cho cán bộ công nhân viên.
- Xây dựng, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện nội quy lao động, quy chế công ty của các bộ phận, phòng ban và nhân viên công ty.
- Thường trực văn phòng, hướng dẫn khách đến tham quan, làm việc.
- Kết hợp với các phòng ban khác trong việc đánh giá nhắc nhở thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động.
- Giải quyết các công việc hành chính hàng ngày khác của Công ty.

Khối sản xuất

Nhà máy sản xuất giấy cuộn của Công ty được tổ chức và vận hành theo định hướng phát triển cùng các kế hoạch cụ thể do Khối Kinh doanh lập kế hoạch đơn hàng. Mỗi dây chuyền, máy móc sản xuất hoạt động độc lập về chi phí, đồng thời được hỗ trợ bởi các bộ phận chuyên môn gồm: Lò hơi, Tạo bột, Xử lý nước thải, Xeo giấy, Kỹ thuật và Kho vật tư. Mỗi máy giấy được điều hành trực tiếp bởi một Chủ quản phụ trách. Khâu quản lý tập trung vào các nội dung trọng yếu sau: Quản lý nguyên vật liệu, thành phẩm; Quản lý máy móc, thiết bị sản xuất: Thực hiện



bảo trì, bảo dưỡng định kỳ; Các bộ phận phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau, tạo nên một hệ thống thống nhất, đồng bộ và hiệu quả. Với cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, khoa học, các kế hoạch sản xuất cũng như công tác triển khai được truyền đạt kịp thời, chính xác đến từng bộ phận.

Xưởng sản xuất:

- Vận hành hệ thống dây chuyền sản xuất giấy: bao gồm hệ thống xử lý bột, máy xeo giấy, thiết bị cắt cuộn và các máy móc phụ trợ.
- Thực hiện phối trộn nguyên liệu (giấy phế liệu, phụ gia, hóa chất) theo công thức kỹ thuật phù hợp với từng dòng sản phẩm, đảm bảo tỷ lệ sử dụng hiệu quả và đồng đều chất lượng đầu ra.
- Tối ưu năng suất, kiểm soát tiêu hao nguyên liệu, điện, nước và các chi phí sản xuất khác.
- Bảo trì – bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị; giám sát tuân thủ quy trình an toàn lao động trong nhà máy.
- Nghiên cứu – phát triển sản phẩm, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu suất tăng sản lượng, đảm bảo vận hành an toàn và liên tục.

❖ Phòng Quản lý chất lượng (QA/QC):

- Kiểm tra trực tiếp chất lượng giấy thành phẩm sau khi sản xuất, dựa trên các chỉ tiêu kỹ thuật như: độ bụi, độ nén vòng, độ nhăn, độ ẩm, khả năng in ấn, khả năng chống thấm...
- So sánh kết quả kiểm tra với tiêu chuẩn nội bộ và yêu cầu kỹ thuật theo từng đơn hàng để đảm bảo phù hợp trước khi đóng gói, giao hàng.
- Ghi nhận, thống kê và phân tích số liệu kiểm tra để theo dõi xu hướng chất lượng của từng dòng sản phẩm.
- Đánh giá và xác định nguyên nhân khi phát hiện sản phẩm không đạt, phối hợp với xưởng sản xuất để điều chỉnh kịp thời.
- Theo dõi hiệu suất chất lượng theo ca/ngày/tháng, lập báo cáo chất lượng thành phẩm định kỳ gửi về Ban điều hành.
- Hỗ trợ bộ phận kinh doanh xử lý khiếu nại về chất lượng hàng hóa (nếu có) từ phía khách hàng.

Khối thu mua

Khối thu mua tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về kế hoạch nhập nguyên vật liệu đầu vào. Đảm bảo cung ứng nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất với chi phí hợp lý và chất lượng ổn định cung ứng kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh công ty. Trực tiếp triển khai kế hoạch cung ứng vật tư nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất và cung ứng hàng hóa phục vụ kinh doanh. Thống kê và phân tích sự biến động giá nguyên vật liệu hàng tháng, quý, năm cũng như các yếu tố có thể ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu đầu vào để đưa ra những dự báo về tình hình biến động của giá nguyên vật liệu trong tương lai gần.

❖ Phòng mua Nguyên liệu giấy:

- Tìm kiếm, đàm phán và ký kết hợp đồng mua giấy phế liệu.
- Quản lý, theo dõi chất lượng nguyên liệu đầu vào.
- Xây dựng và duy trì mối quan hệ bền vững với các nhà cung cấp trong và ngoài nước.

❖ Phòng mua Nguyên vật liệu phụ:

- Mua hóa chất, bao bì, phụ kiện phục vụ sản xuất và vận hành máy móc.
- Theo dõi thị trường, phân tích biến động giá nhằm tối ưu chi phí.



❖ **Kho Nguyên liệu:**

- Tiếp nhận, kiểm tra số lượng và chất lượng nguyên liệu nhập kho.
- Tổ chức xuất kho đúng quy cách, đáp ứng tiến độ sản xuất.
- Kiểm soát tồn kho hợp lý, giảm thiểu chi phí lưu trữ.

❖ **Phòng Quản lý chất lượng đầu vào:**

- Kiểm tra chất lượng tất cả các lô nguyên vật liệu nhập kho (bao gồm giấy phế liệu và hóa chất).
- Đánh giá các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chuẩn nội bộ hoặc yêu cầu sản phẩm (độ sạch, độ khô, kích thước, tạp chất...).
- Lập biên bản đánh giá chất lượng, phối hợp với kho nguyên liệu để quyết định nhập kho, tiếp nhận dùng hoặc trả hàng.
- Là đầu mối tiếp nhận phản hồi từ xưởng sản xuất nếu phát sinh vấn đề liên quan đến chất lượng nguyên liệu trong quá trình sử dụng.
- Hỗ trợ phòng Thu mua trong việc đánh giá năng lực nhà cung cấp, lập danh sách nguồn cung đạt chuẩn.

❖ **Phòng xuất nhập khẩu**

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về hoạt động xuất nhập khẩu. Lập kế hoạch xuất khẩu hàng năm của Công ty, thị trường xuất khẩu, thông lệ Quốc tế.
- Tổ chức và quản lý công tác tìm thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa cho công ty.
- Xây dựng chính sách thương thảo với các đối tác để tối ưu hóa về tài chính.
- Chỉ đạo, theo dõi, quản lý công tác xuất nhập khẩu.
- Hoàn tất các thủ tục và lưu trữ các chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa như: Hợp đồng mua bán, bộ chứng từ vận chuyển, bộ chứng từ xuất nhập khẩu, các thủ tục thanh toán, các thủ tục giao nhận hàng hóa, làm hồ sơ thông quan hàng hóa.
- Kết hợp cùng với bộ phận Tài chính - kế toán, thực hiện các hoạt động mở L/C, làm các bảo lãnh ngân hàng.
- Thực hiện việc tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu theo chiến lược công ty đã đề ra.

Khởi kinh doanh

Tham mưu, hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc về công tác quảng bá, phát triển thị trường, phát triển thương hiệu. Điều tra nghiên cứu thị trường, thu thập thông tin nhu cầu khách hàng và tìm hiểu các đối thủ cạnh tranh. Chủ động tổng hợp, đánh giá sản phẩm thị trường để tham mưu cho Lãnh đạo định hướng phát triển và đầu tư của Công ty. Kiểm soát công việc bán hàng hóa toàn hệ thống. Phối hợp với bộ phận kế toán công nợ phải thu, kế toán tổng hợp và kế toán kho. Phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng, tổ chức bán hàng trong và ngoài nước.

❖ **Phòng Kinh doanh**

- Tư vấn khách hàng, lập báo giá, ký kết hợp đồng và thực hiện chăm sóc hậu mãi.
- Nghiên cứu, phân tích thị trường, mở rộng hệ thống khách hàng B2B.
- Theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm, dự báo và tổng hợp đơn hàng.
- Bám sát tình hình thị trường, tình hình đối thủ cạnh tranh các khu vực trong phạm vi toàn quốc nhằm tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc các chính sách phù hợp thị trường.

❖ **Phòng Kế hoạch**

- Tiếp nhận đơn đặt hàng từ Phòng Kinh doanh, phân tích nhu cầu sản xuất theo từng giai đoạn.



- Xây dựng kế hoạch sản xuất định kỳ (tuần/tháng), điều phối nguyên vật liệu, thời gian vận hành máy móc và bố trí nhân lực phù hợp.
- Theo dõi tiến độ sản xuất thực tế, xử lý tình huống phát sinh nhằm đảm bảo kế hoạch triển khai đúng hạn.
- Lập lịch vận chuyển, phối hợp với kho thành phẩm và bộ phận vận tải.
- Ưu tiên lịch giao hàng theo cam kết với khách hàng và yêu cầu đặc thù từng khu vực.
- Đảm bảo hàng hóa được giao đến đúng địa điểm, đúng thời gian, hạn chế tối đa chi phí phát sinh.

5. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Công ty được thành lập ngày 16/01/2017 với mức vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 300.000.000.000 đồng. Chi tiết các đợt tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

Đợt thay đổi vốn	Thời điểm	VĐL trước khi thay đổi (triệu đồng)	Số vốn thay đổi (triệu đồng)	VĐL sau khi thay đổi (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Thành lập doanh nghiệp	16/01/2017			300.000	Vốn thành lập ban đầu	GCN ĐKKD số 3801140300 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/01/2017
1	12/07/2018	300.000	600.000	900.000	Chào bán thêm 60.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền	GCN ĐKKD số 3801140300 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 16/01/2017, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 12/07/2018
2	15/08/2019	900.000	60.000	960.000	Chào bán thêm 6.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền	GCN ĐKKD số 3801140300 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 16/01/2017, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 15/08/2019
3	22/10/2019	960.000	40.000	1.000.000	Phát hành riêng lẻ thêm 4.000.000 cổ	GCN ĐKKD số 3801140300 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIẤY THUẬN AN

					phần cho nhà đầu tư. Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền	16/01/2017, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 22/10/2019
4	02/10/2020	1.000.000	100.000	1.100.000	Chào bán thêm 10.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền	GCN ĐKKD số 3801140300 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 16/01/2017, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 02/10/2020
5	18/06/2021	1.100.000	400.000	1.500.000	Chào bán thêm 40.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền	GCN ĐKKD số 3801140300 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 16/01/2017, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 18/06/2021
6	24/10/2022	1.500.000	500.000	2.000.000	Chào bán thêm 50.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền	GCN ĐKKD số 3801140300 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 16/01/2017, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 24/10/2022
7	17/10/2023	2.000.000	300.000	2.300.000	Chào bán thêm 30.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền	GCN ĐKKD số 3801140300 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 16/01/2017, cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 17/10/2023
8	18/06/2024	2.300.000	200.000	2.500.000	Chào bán thêm 20.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu.	GCN ĐKKD số 3801140300 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 16/01/2017, cấp



					Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền	thay đổi lần thứ 9 ngày 18/06/2024
9	09/01/2025	2.500.000	200.000	2.700.000	Chào bán thêm 20.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền	GCN ĐKKD số 3801140300 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 16/01/2017, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 09/01/2025
Vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký công ty đại chúng		2.700.000 triệu đồng				

- Báo cáo về vốn điều lệ đã góp từ ngày thành lập đến 13/10/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam số 0228/VN1A-HC-BC ngày 03/12/2025 và cho ý kiến chấp thuận toàn phần.
- Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho các đợt góp vốn thu được từ ngày thành lập đến 30/06/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam số 0205/VN1A-HC-BC ngày 15/10/2025 và cho ý kiến chấp thuận toàn phần.

5.1. Góp vốn thành lập tại ngày 16/01/2017

- Vốn điều lệ : 300.000.000.000 đồng
- Hình thức góp vốn : Góp vốn bằng tiền
- Tổng số lượng cổ phần góp vốn : 30.000.000 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị góp vốn : 300.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông sáng lập : 03 cổ đông
- Ngày hoàn thành góp vốn : 27/12/2017
- Cơ sở pháp lý : - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/17-NQĐHĐCD ngày 14 tháng 01 năm 2017 của các cổ đông sáng lập liên quan đến vốn góp thành lập;
- Giấy CNĐKDN lần đầu ngày 16 tháng 01 năm 2017 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước, trong đó vốn điều lệ được ghi tại Giấy CNĐKDN là 300.000.000.000 VND;
- Điều lệ Công ty ngày 05 tháng 01 năm 2017, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 300.000.000.000 đồng;
- Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 15 tháng 01 năm 2017 trong đó có 3 cổ đông sáng lập.



Mục đích sử dụng vốn : Sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, chi thuê đất, đầu tư xây dựng nhà máy giấy của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ giấy Thuận An.

Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền thực tế sử dụng (VNĐ)
1	Chi đầu tư xây dựng	261.561.955.420
2	Chi thuê đất	38.210.406.000
3	Chi hoạt động sản xuất	227.638.580
Tổng cộng		300.000.000.000

5.2. Tăng vốn lần đầu ngày 12/7/2018

Vốn điều lệ trước khi tăng : 300.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ sau khi tăng : 900.000.000.000 đồng
Hình thức phát hành : Chào bán thêm 60.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
Tổng số lượng cổ phần phát hành : 60.000.000 cổ phần
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
Tổng giá trị phát hành : 600.000.000.000 đồng
Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn : 03 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn : 03 cổ đông
Thời điểm hoàn thành tăng vốn : 15/10/2018
Cơ sở pháp lý :

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/17-NQĐHĐCĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 liên quan đến tăng vốn;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2018/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 10 năm 2018 liên quan đến tăng vốn;
- Giấy CNĐKDN lần thứ 2 được cấp ngày 12 tháng 7 năm 2018 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước, trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 900.000.000.000 đồng;
- Điều lệ Công ty ngày 01 tháng 7 năm 2018, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 900.000.000.000 đồng;
- Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 11 tháng 7 năm 2018 trong đó có 3 cổ đông góp vốn.

Mục đích phát hành : Sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng nhà máy giấy của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ giấy Thuận An.



Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền thực tế sử dụng (VNĐ)
1	Chi đầu tư xây dựng	559.462.991.897
2	Chi trả vay	12.999.230.343
3	Chi thuê đất	25.828.674.530
4	Chi hoạt động sản xuất	1.709.103.230
Tổng cộng		600.000.000.000

5.3. Tăng vốn lần 2 ngày 15/8/2019

- Vốn điều lệ trước khi tăng : 900.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng : 960.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Chào bán thêm 6.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
- Tổng số lượng cổ phần phát hành : 6.000.000 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành : 60.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn : 03 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn : 03 cổ đông
- Thời điểm hoàn thành tăng vốn : 27/06/2019
- Cơ sở pháp lý : - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/19-NQĐHĐCĐ ngày 30 tháng 03 năm 2019 liên quan đến tăng vốn;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2019/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 06 năm 2019 liên quan đến tăng vốn;
- Giấy CNĐKDN lần thứ 3 được cấp ngày 15 tháng 8 năm 2019 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước, trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 960.000.000.000 đồng;
- Điều lệ Công ty ngày 31 tháng 7 năm 2018, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 960.000.000.000 đồng;
- Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 13 tháng 8 năm 2019 trong đó có 3 cổ đông góp vốn.
- Mục đích phát hành : Sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trả nợ vay ngân hàng và đầu tư xây dựng nhà máy giấy của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ giấy Thuận An

Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền thực tế sử dụng (VNĐ)
1	Chi đầu tư xây dựng	27.542.242.638
2	Chi hoạt động sản xuất	3.348.276.278
3	Chi trả vay	29.109.481.084



Tổng cộng	60.000.000.000
------------------	-----------------------

5.4. Tăng vốn lần 3 ngày 22/10/2019

Vốn điều lệ trước khi tăng	: 960.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ sau khi tăng	: 1.000.000.000.000 đồng
Hình thức phát hành	: Phát hành riêng lẻ thêm 4.000.000 cổ phần cho nhà đầu tư. Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
Tổng số lượng cổ phần phát hành	: 4.000.000 cổ phần
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Giá phát hành	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng giá trị phát hành	: 40.000.000.000 đồng
Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn	: 03 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn	: 05 cổ đông
Thời điểm hoàn thành tăng vốn	: 05/06/2019
Cơ sở pháp lý	: - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/19-NQĐHĐCD ngày 02 tháng 04 năm 2019 liên quan đến tăng vốn; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2019/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 04 năm 2019 lựa chọn nhà đầu tư; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2019/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 06 năm 2019 liên quan đến tăng vốn; - Giấy CNĐKDN lần thứ 4 được cấp ngày 22 tháng 10 năm 2019 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước, trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 1.000.000.000.000 đồng; - Điều lệ Công ty ngày 14 tháng 10 năm 2019, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 1.000.000.000.000 đồng; - Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 22 tháng 10 năm 2019 trong đó có 5 cổ đông góp vốn.
Mục đích phát hành	: Sử dụng để sản xuất kinh doanh, trả nợ vay ngân hàng và đầu tư xây dựng nhà máy giấy của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ giấy Thuận An

Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền thực tế sử dụng (VNĐ)
1	Chi trả vay	23.938.624.219
2	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	13.334.886.917
3	Chi đầu tư xây dựng	2.726.488.864
Tổng cộng		40.000.000.000

5.5. Tăng vốn lần 4 ngày 02/10/2020

Vốn điều lệ trước khi tăng	: 1.000.000.000.000 đồng
----------------------------	--------------------------



- Vốn điều lệ sau khi tăng : 1.100.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Chào bán thêm 10.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
- Tổng số lượng cổ phần phát hành : 10.000.000 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành : 100.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn : 05 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn : 05 cổ đông
- Thời điểm hoàn thành tăng vốn : 06/11/2020
- Cơ sở pháp lý : - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/20-NQĐHĐCĐ ngày 31 tháng 08 năm 2020 liên quan đến tăng vốn;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2020/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 11 năm 2020 liên quan đến tăng vốn;
- Giấy CNĐKDN lần thứ 5 được cấp ngày 02 tháng 10 năm 2020 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước, trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 1.100.000.000.000 đồng;
- Điều lệ Công ty ngày 02 tháng 10 năm 2020, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 1.100.000.000.000 đồng;
- Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 02 tháng 10 năm 2020 trong đó có 5 cổ đông góp vốn.
- Mục đích phát hành : Sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trả nợ vay ngân hàng của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ giấy Thuận An.

Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền thực tế sử dụng (VNĐ)
1	Chi trả vay	91.522.010.000
2	Chi đầu tư xây dựng	5.000.000.000
3	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	3.477.990.000
Tổng cộng		100.000.000.000

5.6. Tăng vốn lần 5 ngày 18/6/2021

- Vốn điều lệ trước khi tăng : 1.100.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng : 1.500.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Chào bán thêm 40.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu.



		Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
Tổng số lượng cổ phần phát hành	:	40.000.000 cổ phần
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
Giá phát hành	:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng giá trị phát hành	:	400.000.000.000 đồng
Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn	:	05 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn	:	05 cổ đông
Thời điểm hoàn thành tăng vốn	:	24/06/2021
Cơ sở pháp lý	:	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/20-NQĐHĐCĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc thay đổi vốn điều lệ; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2021/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 06 năm 2021 về việc thay đổi vốn điều lệ; - Giấy CNĐKDN lần thứ 6 được cấp ngày 18 tháng 6 năm 2021 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước, trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 1.500.000.000.000 đồng; - Điều lệ Công ty ngày 9 tháng 6 năm 2021, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 1.500.000.000.000 đồng; - Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 24 tháng 6 năm 2021 trong đó có 5 cổ đông góp vốn.
Mục đích phát hành	:	Sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trả nợ vay ngân hàng của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ giấy Thuận An

Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền thực tế sử dụng (VNĐ)
1	Chi trả vay	348.216.058.819
2	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	49.052.236.181
3	Chi đầu tư xây dựng	2.731.705.000
Tổng cộng		400.000.000.000

5.7. Tăng vốn lần 6 ngày 24/10/2022

Vốn điều lệ trước khi tăng	:	1.500.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ sau khi tăng	:	2.000.000.000.000 đồng
Hình thức phát hành	:	Chào bán thêm 50.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
Tổng số lượng cổ phần phát hành	:	50.000.000 cổ phần
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần



Giá phát hành	:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng giá trị phát hành	:	500.000.000.000 đồng
Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn	:	05 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn	:	05 cổ đông
Thời điểm hoàn thành tăng vốn	:	14/09/2022
Cơ sở pháp lý	:	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/22-NQĐHĐCĐ ngày 25 tháng 03 năm 2022 về việc thay đổi vốn điều lệ; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2022/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 09 năm 2022 về việc thay đổi vốn điều lệ; - Giấy CNĐKDN lần thứ 7 được cấp ngày 24 tháng 10 năm 2022 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước, trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 2.000.000.000.000 đồng; - Điều lệ Công ty ngày 15 tháng 10 năm 2022, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 2.000.000.000.000 đồng; - Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 15 tháng 10 năm 2022 trong đó có 5 cổ đông góp vốn.
Mục đích phát hành	:	Sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trả nợ vay ngân hàng và đầu tư xây dựng nhà máy giấy của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ giấy Thuận An

Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền thực tế sử dụng (VNĐ)
1	Chi trả vay	291.830.981.148
2	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	198.341.245.465
3	Chi đầu tư xây dựng	9.827.773.387
Tổng cộng		500.000.000.000

5.8. Tăng vốn lần 7 ngày 17/10/2023

Vốn điều lệ trước khi tăng	:	2.000.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ sau khi tăng	:	2.300.000.000.000 đồng
Hình thức phát hành	:	Chào bán thêm 30.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
Tổng số lượng cổ phần phát hành	:	30.000.000 cổ phần
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
Giá phát hành	:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng giá trị phát hành	:	300.000.000.000 đồng



- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn : 05 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn : 05 cổ đông
- Thời điểm hoàn thành tăng vốn : 05/09/2023
- Cơ sở pháp lý : - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/22-NQĐHĐCĐ ngày 18 tháng 09 năm 2022 về việc thay đổi vốn điều lệ;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 09 năm 2023 về việc thay đổi vốn điều lệ;
- Giấy CNĐKDN lần thứ 8 được cấp ngày 17 tháng 10 năm 2023 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước, trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 2.300.000.000.000 đồng;
- Điều lệ Công ty ngày 12 tháng 10 năm 2023, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 2.300.000.000.000 đồng;
- Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 12 tháng 10 năm 2023 trong đó có 5 cổ đông góp vốn.
- Mục đích phát hành : Sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trả nợ vay ngân hàng và đầu tư xây dựng nhà máy giấy của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ giấy Thuận An

Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền thực tế sử dụng (VNĐ)
1	Chi trả vay	216.017.580.746
2	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	41.002.174.889
3	Chi đầu tư xây dựng	42.980.244.365
Tổng cộng		300.000.000.000

5.9. Tăng vốn lần 8 ngày 18/06/2024

- Vốn điều lệ trước khi tăng : 2.300.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng : 2.500.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Chào bán thêm 20.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
- Tổng số lượng cổ phần phát hành : 20.000.000 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành : 200.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn : 05 cổ đông



- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn : 05 cổ đông
- Thời điểm hoàn thành tăng vốn : 21/05/2024
- Cơ sở pháp lý :
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/23-NQĐHĐCĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc thay đổi vốn điều lệ;
 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2024/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 05 năm 2024 về việc thay đổi vốn điều lệ;
 - Giấy CNĐKDN lần thứ 9 được cấp ngày 18 tháng 6 năm 2024 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước, trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 2.500.000.000.000 đồng;
 - Điều lệ Công ty ngày 10 tháng 6 năm 2024, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 2.500.000.000.000 đồng;
 - Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 10 tháng 6 năm 2024 trong đó có 5 cổ đông góp vốn.
- Mục đích phát hành : Sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, góp vốn công ty con, trả nợ vay ngân hàng và đầu tư xây dựng nhà máy giấy của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ giấy Thuận An

Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền thực tế sử dụng (VNĐ)
1	Chi trả vay	119.441.753.902
2	Chi đầu tư góp vốn mua lại Công ty Cổ phần Giấy Khôi Nguyên	54.080.000.000
3	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	17.326.571.100
4	Chi đầu tư xây dựng	9.151.674.998
Tổng cộng		200.000.000.000

5.10. Tăng vốn lần 9 ngày 09/01/2025

- Vốn điều lệ trước khi tăng : 2.500.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng : 2.700.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Chào bán thêm 20.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
- Tổng số lượng cổ phần phát hành : 20.000.000 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành : 200.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn : 05 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn : 05 cổ đông



- Thời điểm hoàn thành tăng vốn : 30/12/2024
- Cơ sở pháp lý :
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/24-NQĐHĐCĐ ngày 08 tháng 07 năm 2024 về việc thay đổi vốn điều lệ;
 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2024/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc thay đổi vốn điều lệ;
 - Giấy CNĐKDN lần thứ 10 được cấp ngày 09 tháng 01 năm 2025 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước, trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 2.700.000.000.000 đồng;
 - Điều lệ Công ty ngày 09 tháng 01 năm 2025, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 2.700.000.000.000 đồng;
 - Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 trong đó có 5 cổ đông góp vốn.

- Mục đích phát hành :
- Sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trả nợ vay ngân hàng và đầu tư xây dựng nhà máy giấy của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ giấy Thuận An

Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền thực tế sử dụng (VNĐ)
1	Chi trả vay	193.789.912.072
2	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	3.588.967.554
3	Chi đầu tư xây dựng	2.621.120.374
Tổng cộng		200.000.000.000

6. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất

6.1 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 11/06/2026

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Trong nước	120	270.000.000	100%
1.1	Nhà nước	0	0	0%
1.2	Tổ chức	0	0	0%
1.3	Cá nhân	120	270.000.000	100%
2	Nước ngoài	0	0	0%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0%
2.2	Cá nhân	0	0	0%
	Tổng cộng	120	270.000.000	100%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
1	Cổ đông lớn	3	193.043.400	71,50%
2	Cổ đông khác	117	76.956.600	28,50%
	Tổng cộng	120	270.000.000	100%



(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty tại ngày 11/06/2026)

6.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ tại ngày 11/06/2026

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKSH	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu
1	Liêu Bình An	193/12 Nguyễn Tiểu La, P08, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	0790 6200 2141	31.043.400	11,498%
2	Hoài Tú Hà	193/12 Nguyễn Tiểu La, P08, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	0791 6002 3741	24.300.000	9,00%
3	Liêu Kiên Khang	193/12 Nguyễn Tiểu La, P08, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	0790 8901 0849	137.700.000	51,00%
Tổng cộng				193.043.400	71,498%

(Nguồn: CTCP Thương mại Dịch vụ Giấy Thuận An)

6.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giấy Thuận An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số: 3801140300 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 16/01/2017 đăng ký thay đổi lần 12 vào ngày 04/08/2025.

Theo luật doanh nghiệp, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình. Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

a. Mô tả sản phẩm, dịch vụ chính

- Về sản xuất giấy công nghiệp tái chế

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giấy Thuận An (Công ty Giấy Thuận An) là doanh nghiệp tiên phong tại Việt Nam chuyên sản xuất và cung cấp các dòng giấy công nghiệp chất lượng cao, phục vụ trực tiếp cho ngành bao bì carton – lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng ổn định, bền vững và đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Toàn bộ hạng mục sản phẩm của công ty đều được sản xuất từ nguồn nguyên liệu tái chế thân thiện với môi trường, trên hệ thống dây chuyền hiện đại, đồng bộ và đạt các chứng chỉ quốc tế uy tín như ISO 9001:2015 (quản lý chất lượng), ISO 14001:2015 (quản lý môi trường), ISO 45001:2018 (an toàn lao động). Khẳng định cho định hướng phát triển bền vững của Giấy Thuận An, luôn luôn gắn kết giữa hiệu quả kinh tế và trách nhiệm với xã hội, môi trường.

Với triết lý “phát triển cùng khách hàng”, Giấy Thuận An liên tục đầu tư vào công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất và nâng cao năng lực nhân sự nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm vượt



trội, tính ổn định cao và khả năng đáp ứng linh hoạt theo nhu cầu từng phân khúc thị trường. Uy tín trong cam kết, sự linh hoạt trong hợp tác và chính sách đồng hành lâu dài đã giúp công ty trở thành đối tác tin cậy của nhiều doanh nghiệp sản xuất bao bì lớn tại Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Philippines, Trung Đông và Châu Phi,...

Tận dụng nguồn nguyên liệu tái chế, kết hợp với công nghệ xử lý hiện đại, Giấy Thuận An hiện đang cung cấp ba dòng sản phẩm chủ lực: Giấy Testliner, Giấy Medium và Giấy Kraft Top Liner.

➤ **Giấy Testliner**

Giấy Testliner là sản phẩm chủ lực của Giấy Thuận An, chiếm khoảng 55% tổng sản lượng hàng tháng (tương đương 47.000 tấn). Sản phẩm được sản xuất 100% từ giấy tái chế, có định lượng 70–250 g/m², bề mặt nhẵn mịn, chống thấm tốt và chịu lực cao. Giấy Testliner được dùng làm lớp mặt hoặc lớp đáy của thùng carton, đóng vai trò bảo vệ và thể hiện nhận diện thương hiệu. Với khả năng in ấn tốt và độ bền đạt từ 2.7 trở lên, sản phẩm giúp thùng carton chống va đập, chịu áp lực vận chuyển hiệu quả. Nhờ chống thấm tốt và định lượng đa dạng, giấy Testliner của Thuận An phù hợp cho nhiều mục đích đóng gói, từ hàng nhẹ đến hàng hóa giá trị cao hoặc vận chuyển đường dài.

➤ **Giấy Medium (Corrugating Medium)**

Được sản xuất từ 100% giấy tái chế, giấy Medium – chiếm 25% sản lượng, là nguyên liệu chính để tạo lớp sóng giữa trong thùng carton, giúp gia tăng độ đàn hồi, khả năng chịu lực nén và bảo vệ hàng hóa dưới trọng lượng xếp chồng. Với độ nén vòng từ 8.00 trở lên và định lượng 70–250 g/m², sản phẩm mang lại độ bền cao, linh hoạt, đáp ứng nhiều yêu cầu kỹ thuật đồng thời tối ưu chi phí, là giải pháp tối ưu cho lưu trữ và vận chuyển an toàn, hiệu quả.

➤ **Giấy Kraft Top Liner**

Đặc biệt quan trọng trong ngành đóng gói, vận chuyển hoặc lưu trữ hàng hóa. Giấy Kraft Top Liner chiếm 20% trên tổng sản lượng, được tạo thành từ 90% giấy tái chế và 10% bột gỗ nguyên sinh, tạo nên sự vượt trội cơ lý học và duy trì màu sắc. Với độ bền 3.6–3.8, chịu ẩm và chịu kéo tốt, thích hợp cho bao bì vận chuyển và lưu kho dài ngày. Cấu trúc sợi dài từ gỗ mềm giúp giấy dai, bền, chống rách và mài mòn, phù hợp cho cả bao bì công nghiệp lẫn ứng dụng đặc biệt như túi giấy, tag quần áo, bao xi măng, hay lớp lót pallet.

- **Về dịch vụ xử lý và tái chế giấy phế liệu hỗn hợp, giấy carton đã qua sử dụng:**

Không chỉ là nhà sản xuất giấy công nghiệp tái chế hàng đầu tại Việt Nam, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giấy Thuận An còn là một trong số ít doanh nghiệp có đủ năng lực pháp lý, kỹ thuật và vận hành để cung cấp dịch vụ xử lý và tái chế giấy phế liệu hỗn hợp, giấy carton đã qua sử dụng, đáp ứng đầy đủ quy định về trách nhiệm tái chế bắt buộc (EPR) theo Luật Bảo vệ Môi trường 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

Chúng tôi được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường xác nhận là một trong hai đơn vị đủ điều kiện xử lý giấy hỗn hợp tại Việt Nam, nhờ vào hệ thống công nghệ hiện đại, quy mô nhà máy lớn và quy trình quản lý bài bản. Đây chính là cơ sở vững chắc để Giấy Thuận An trở thành đối tác đáng tin cậy của các doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ môi trường và xây dựng chuỗi giá trị bền vững.

Đối tượng phục vụ:

- + Các nhà máy sản xuất bao bì, thùng carton có nhu cầu xử lý phế liệu đầu ra;
- + Doanh nghiệp sử dụng bao bì giấy trong chuỗi cung ứng và cần thực hiện trách nhiệm EPR;

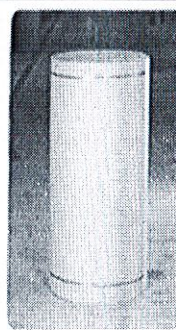
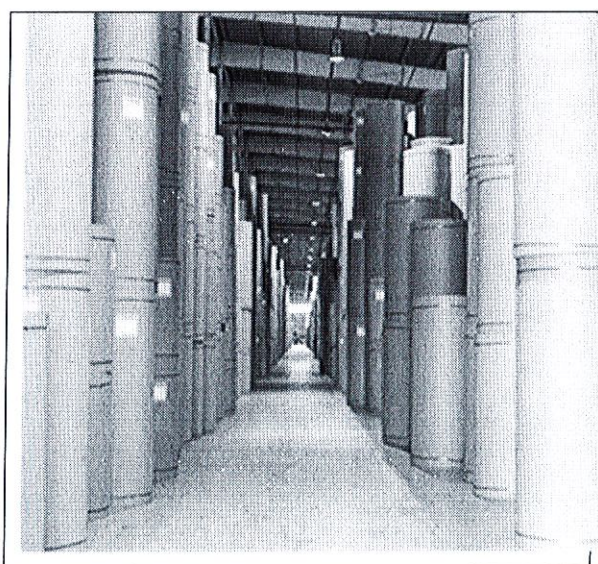
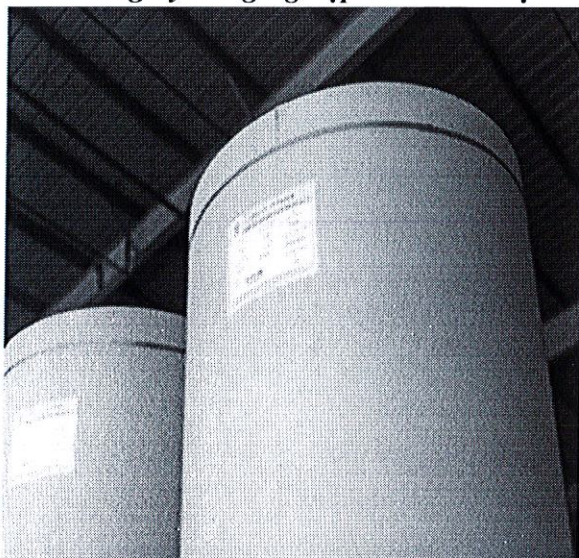


- + Các thương hiệu lớn có nghĩa vụ tái chế bao bì theo quy định pháp luật;
- + Đơn vị thu gom – phân loại chất thải đang tìm kiếm đối tác xử lý chuyên nghiệp, minh bạch.

Nội dung dịch vụ:

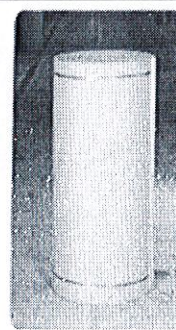
- + Thu gom và tiếp nhận các loại giấy phế liệu hỗn hợp, giấy carton đã qua sử dụng từ doanh nghiệp.
- + Phân loại và xử lý sơ cấp, sau đó đưa trực tiếp vào dây chuyền tái chế nội bộ tại nhà máy.
- + Cung cấp đầy đủ chứng từ pháp lý, báo cáo sản lượng xử lý rõ ràng, hỗ trợ đối soát với cơ quan chức năng.
- + Tư vấn, đồng hành trong quá trình thực hiện hồ sơ EPR, từ xây dựng phương án đến kê khai, báo cáo.

Hình ảnh giấy công nghiệp tái chế Thuận An



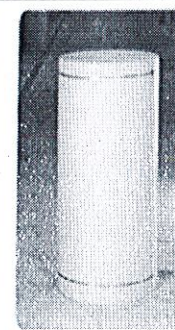
Giấy Tissue

Giấy vệ sinh
Tay và mặt nạ
Tay và khăn giấy
Đã tẩy trắng
Chống thấm nước
Đã tẩy trắng và khử trùng
Đã tẩy trắng và khử trùng



Giấy Medium

Giấy vệ sinh
Tay và mặt nạ
Tay và khăn giấy
Đã tẩy trắng
Chống thấm nước
Đã tẩy trắng và khử trùng
Đã tẩy trắng và khử trùng



Giấy Trống Cỡ

Giấy vệ sinh
Tay và mặt nạ
Tay và khăn giấy
Đã tẩy trắng
Chống thấm nước
Đã tẩy trắng và khử trùng
Đã tẩy trắng và khử trùng

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giấy Thuận An)

- b. Sản lượng, doanh thu lợi nhuận qua các năm
- ✓ Cơ cấu doanh thu thuần theo nhóm sản phẩm, dịch vụ



Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Quý I/2026	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
I. Doanh thu bán hàng		2.701.034	100%	4.710.973	99,27%	1.173.055	100%
1	Giấy cuộn MA	357.860	13,25%	399.366	8,42%	105.946	9,03%
2	Giấy cuộn TC	2.064.627	76,44%	2.179.454	45,92%	550.195	46,9%
3	Giấy cuộn MA-8	63.182	2,34%	1.313.079	27,67%	366.993	31,29%
4	Giấy cuộn TC-8	215.364	7.97%	819.074	17,26%	149.792	12,77%
5	Giấy phế liệu	0	0%	0	0%	0	0%
6	Giấy trắng	0	0%	0	0%	0	0%
7	Tinh bột khoai mì	0	0%	0	0%	0	0%
8	Than	0	0%	0	0%	0	0%
9	Giấy cuộn MB	0	0%	0	0%	129	0,01%
II. Doanh thu cung cấp dịch vụ		0	0%	34.699	0,73%	0	0%
Tổng		2.701.034	100%	4.745.672	100%	1.173.055	100%

(Nguồn: CTCP TM và DV Giấy Thuận An)

Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Quý I/2026	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
I. Doanh thu bán hàng		3.905.674	100%	5.941.257	99,29%	1.456.259	100%
1	Giấy cuộn MA	686.594	17.58%	722.959	12,08%	152.639	10,48%
2	Giấy cuộn TC	2.778.346	71.14%	3.086.145	51,58%	786.706	54,02%



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIẤY THUẬN AN**

3	Giấy cuộn MA-8	63.182	1.62%	1.313.079	21,94%	366.993	25,20%
4	Giấy cuộn TC-8	215.364	5.51%	819.074	13,69%	149.792	10,29%
5	Giấy phế liệu	162.188	4.15%	0	0%	0	0%
6	Giấy trắng	0	0%	0	0%	0	0%
7	Tinh bột khoai mì	0	0%	0	0%	0	0%
8	Than	0	0%	0	0%	0	0%
9	Giấy cuộn MB	0	0%	0	0%	129	0,01%
II. Doanh thu cung cấp dịch vụ		0	0%	42.490	0,71%	0	0%
Tổng		3.905.674	100%	5.983.747	100%	1.456.259	100%

(Nguồn: CTCP TM và DV Giấy Thuận An)

✓ **Cơ cấu lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Quý I/2026	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
I. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		123.680	4,58%	651.607	13,83%	221.705	18,90%
1	Giấy cuộn MA	51.776	14,47%	55.976	14,02%	18.338	1,56%
2	Giấy cuộn TC	146.820	7,11%	269.604	12,37%	92.099	7,85%
3	Giấy cuộn MA-8	(14.089)	0%	217.001	16,53%	81.767	6,97%
4	Giấy cuộn TC-8	(60.827)	0%	109.026	13,31%	29.486	2,52%
5	Giấy phế liệu	0	0%	0	0%	0	0%
6	Giấy trắng	0	0%	0	0%	0	0%
7	Tinh bột khoai mì	0	0%	0	0%	0	0%
8	Than	0	0%	0	0%	0	0%



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIẤY THUẬN AN**

9	Giấy cuộn MB	0	0%	0	0%	15	0,001%
II. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		0	0%	34.698	100%	0	0%
Tổng		123.680	4,58%	686.305	14,46%	221.705	18,90%

(Nguồn: CTCP TM và DV Giấy Thuận An)

Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Quý I/2026	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
I. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		174.216	4,46%	768.541	12,94%	272.796	18,73%
1	Giấy cuộn MA	70.393	10,25%	87.158	12,06%	26.235	1,80%
2	Giấy cuộn TC	176.915	6,37%	355.356	11,51%	135.294	9,29%
3	Giấy cuộn MA-8	(14.089)	0%	217.001	16,53%	81.767	5,61%
4	Giấy cuộn TC-8	(60.827)	0%	109.026	13,31%	29.486	2,03%
5	Giấy phế liệu	1.824	1,12%	0	0%	0	0%
6	Giấy trắng	0	0%	0	0%	0	0%
7	Tinh bột khoai mì	0	0%	0	0%	0	0%
8	Than	0	0%	0	0%	0	0%
9	Giấy cuộn MB	0	0%	0	0%	15	0,001%
II. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		0	0%	42.491	100%	0	0%
Tổng		174.216	4,46%	811.032	13,55%	272.796	18,73%

(Nguồn: CTCP TM và DV Giấy Thuận An)

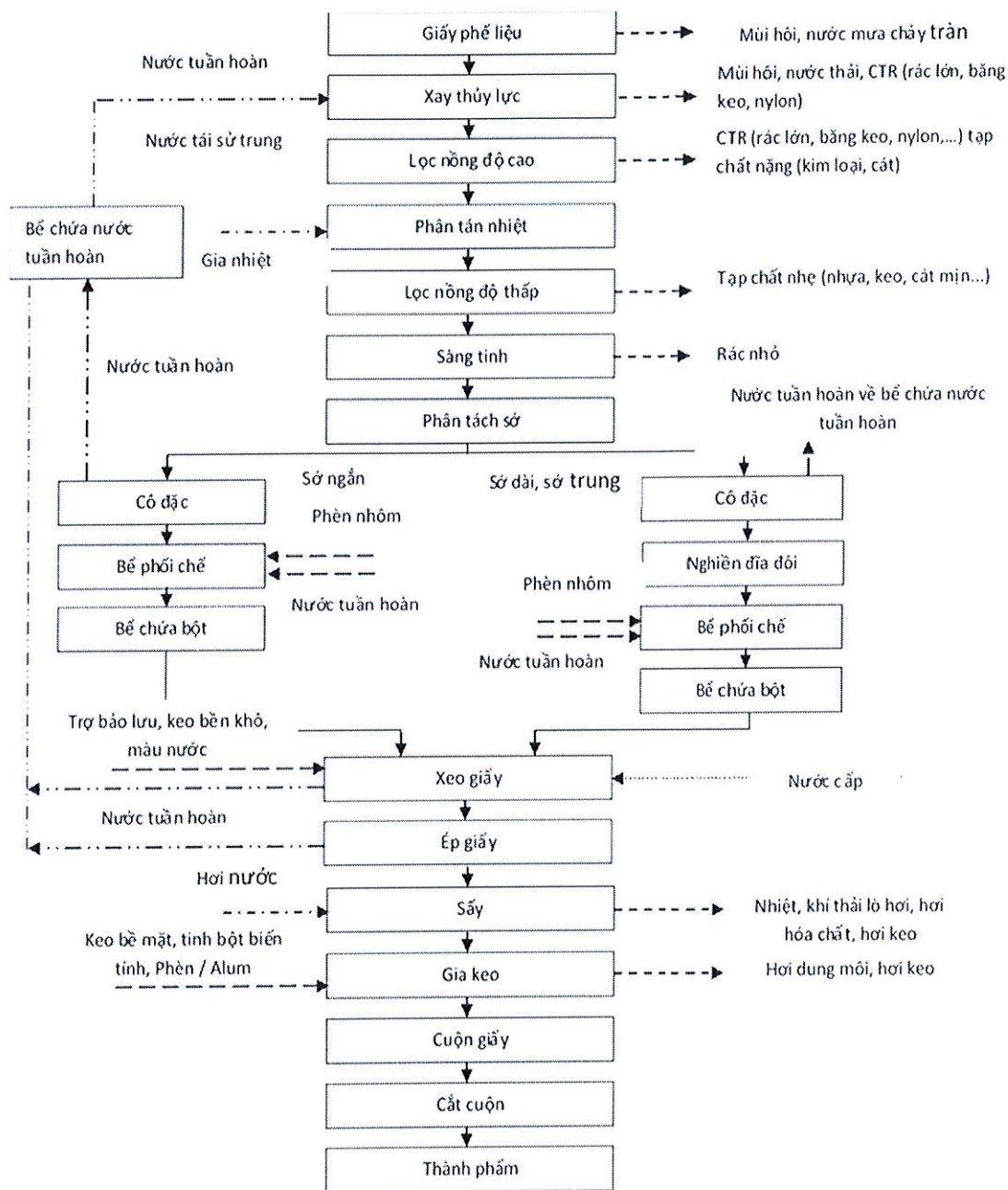
7.2 Quy trình sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất tại Công ty Giấy Thuận An được thực hiện theo mô hình khép kín, gồm các công đoạn chính như sau:

Ghi chú:



- > Đường chất thải
- .-.-.-> Đường nước tuần hoàn
-> Đường cấp nước
- > Đường cấp hoá chất
- .-.-.-> Đường cấp hơi nước



Tóm tắt quy trình sản xuất: Quy trình chi tiết tương đối phức tạp, quy trình tóm tắt quá trình sản xuất ra bao bì giấy carton trải qua 02 dàn máy chính là hệ thống máy bột và hệ thống máy xeo với chức năng như sau:



- + Hệ thống bột: quy trình tóm tắt việc xử lý giấy thu hồi như sau: đánh toi xơ sợi → loại bỏ rác cặn → phân tán xơ sợi → khử mực → tẩy trắng → dung dịch dạng huyền phù tại đầu vào cho quá trình xeo giấy.
- + Hệ thống xeo giấy: chức năng là ép bột giấy thành giấy bìa thành phẩm, nó gồm các quá trình như ép ướt bột giấy thành giấy theo khổ, sấy, ép keo bề mặt giấy.
- + Hệ thống điều khiển tự động DCS/QCS/MCS: là hệ thống điều khiển máy xeo tự động, hệ thống điều khiển tự động chỉnh chất lượng của giấy và hệ thống giám sát toàn bộ nhà máy (bao gồm cả hệ thống bột).

Chi tiết quá trình sản xuất qua các giai đoạn như sau:

7.2.1 Hệ thống xử lý tạo bột giấy

Để sản xuất ra các sản phẩm đạt chất lượng cao thì nguyên vật liệu đầu vào được sản xuất bởi hệ thống bột OCC phải đáp ứng được 02 yêu cầu chính sau:

- ❖ Nguyên liệu phải được đánh toi hoàn toàn với yêu cầu hạn chế tối thiểu tổn thất xơ sợi và mức độ đánh rã tạp chất;
- ❖ Bột giấy phải được xử lý qua các công đoạn sàng lọc để loại bỏ tối đa các tạp chất thô như cát, sạn, ghim kẹp, ni-lon, băng keo và các tạp chất nhỏ mịn chất dính (stickies) ra khỏi dung dịch bột trước khi bơm sang máy xeo.

Quy trình chi tiết:

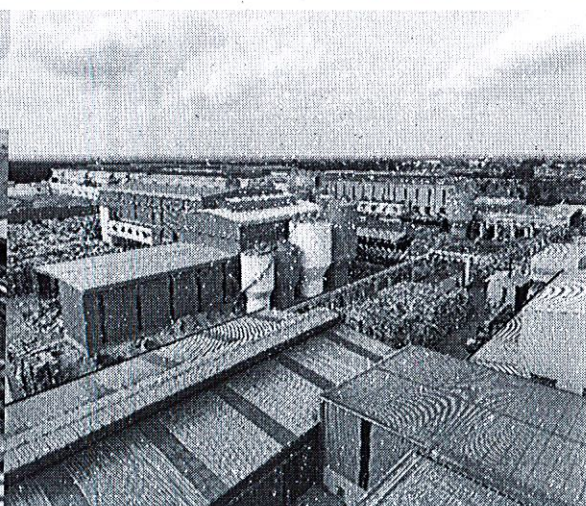
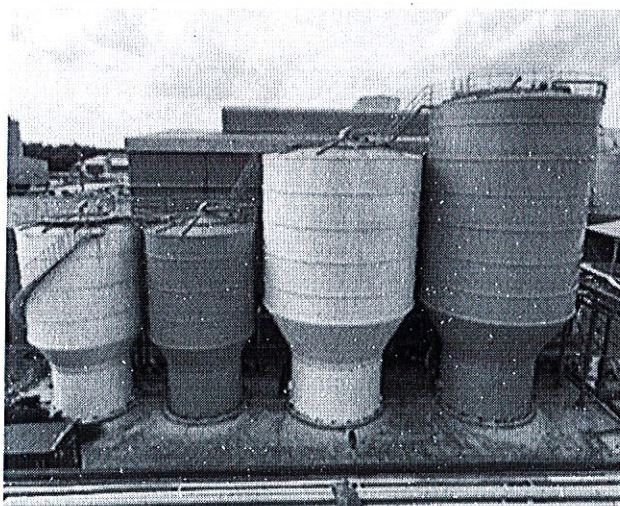
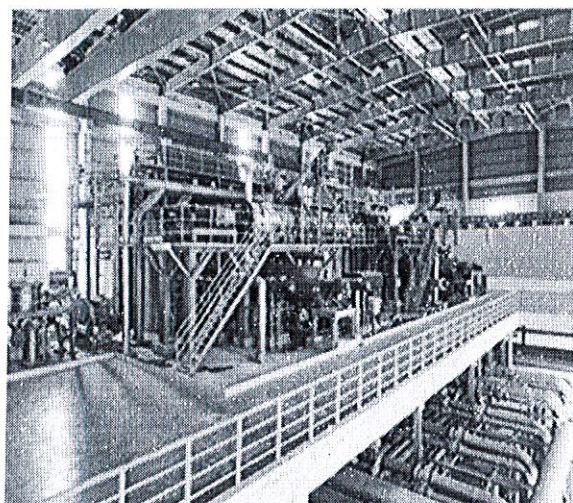
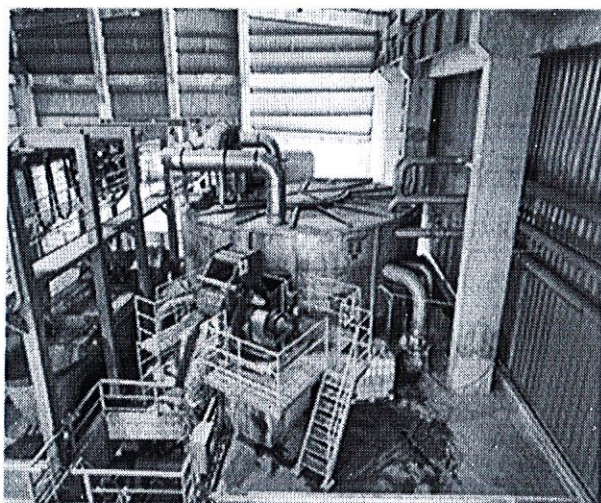
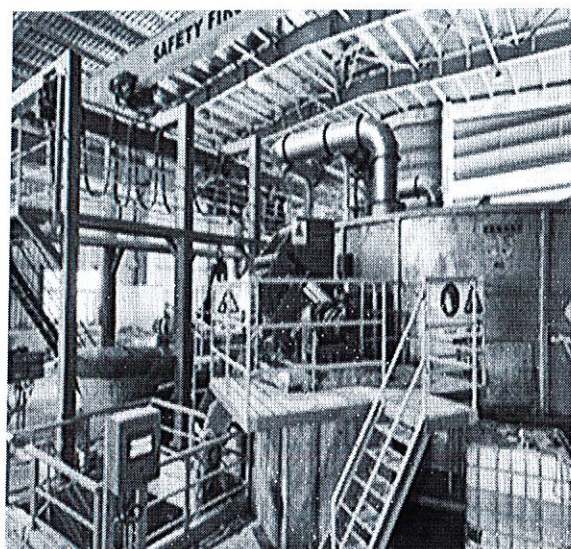
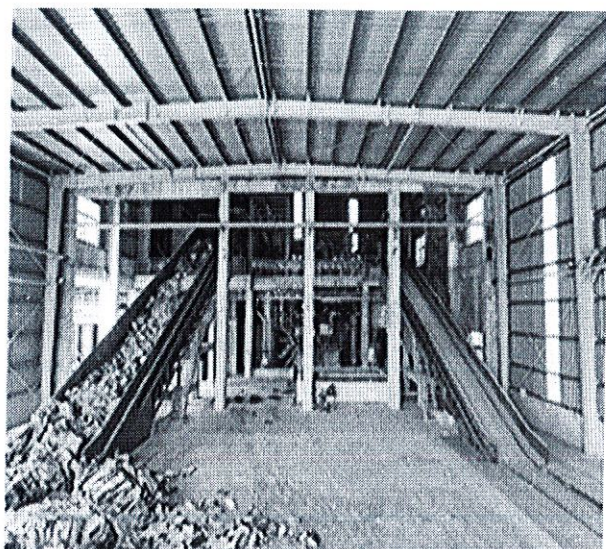
- *Xay thủy lực*: Giấy phế liệu từ bãi chứa giấy phế liệu được chuyển đến xưởng tạo bột bằng xe nâng sau đó sẽ cắt dây kẽm buộc trước khi được băng tải đưa trực tiếp vào máy xay thủy lực để đánh giấy cùng với nước tạo thành huyền phù bột giấy. Máy xay thủy lực có dạng hình trụ đứng, tại tâm ở đáy có cánh khuấy có tác dụng đánh toi. Quá trình này góp phần tách loại một số tạp chất như băng keo, nhựa, màng PE,... ra khỏi giấy trước khi đưa qua các công đoạn sản xuất khác. Các chất thải rắn phát sinh từ quá trình này được thu gom về kho chất thải rắn làm chất đốt cho lò đốt rác. Giấy phế liệu được đánh rã ở nồng độ 3-3,5%, sau đó qua thiết bị lọc nồng độ cao. Công đoạn này sử dụng nước tuần hoàn từ công đoạn xeo, ép, cô đặc sau khi tách một số tạp chất và nước sau xử lý từ Hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) tập trung của công ty trong trường hợp lượng nước tuần hoàn không đủ. Lượng nước thải ra từ công đoạn xay thủy lực không tuần hoàn sử dụng cho sản xuất mà thu gom về HTXLNT tập trung để xử lý.
- *Lọc nồng độ cao*: Huyền phù bột giấy được đưa đến công đoạn lọc nồng độ cao với mục đích tiếp tục tách loại tạp chất (băng keo, nhựa, màng PE ...) và những mảnh tạp chất nặng (như những mẫu kim loại, cát) ra khỏi hỗn hợp bột. Thiết bị lọc hình côn có đường kính phần hình trụ tương đối lớn. Nồng độ bột trong thiết bị này khoảng 3 – 4,5% (so với nồng độ bột trong thiết bị lọc côn ở khâu lọc sạn cát là <1%). Vì vậy, nó được gọi là thiết bị lọc nồng độ cao. Sau khi huyền phù bột giấy đã được loại bỏ tạp chất, tiếp tục chuyển sang công đoạn phân tán nhiệt.
- *Phân tán nhiệt*: mục đích giảm kích thước các hạt mực in đến kích thước nhỏ nhất không nhìn thấy bằng mắt thường (<40μm) và phân tán đều chúng trong bột hoặc rửa trôi chúng đi nhằm không để lại vết tích của những hạt tạp chất trên sản phẩm giấy làm từ bột tái sinh. Vì vậy, trong dây chuyền sản xuất không cần sử dụng hóa chất tẩy trắng bột giấy. Dòng hỗn hợp gồm



nước, bột giấy và các tạp chất như mực in đã được phân tán sẽ theo hệ thống sản xuất đi qua thiết bị lọc nồng độ thấp, sàng tinh và phân tách sợi sau đó đến công đoạn cô đặc thì nước thải sẽ được tuần hoàn về công đoạn xay thủy lực nên không phát sinh nước thải từ công đoạn phân tán nhiệt tách mực in.

- *Lọc nồng độ thấp:* Bột thô được pha loãng từ nồng độ 3-3,5% xuống còn 1% bằng nước và tiếp tục bơm đến hệ thống lọc nồng độ thấp bằng cát 4 cấp. Quá trình này góp phần tách các tạp chất nhẹ như nút xốp, băng keo nhỏ và cát mịn đồng thời tạo dòng sợi bột được đồng nhất. Nồng độ bột giấy ở thiết bị khoảng từ 2 – 4%. Qua thiết bị này, một lần nữa các tạp chất bị loại bỏ khỏi dòng bột (nhựa, keo, cát,...).
- *Sàng tinh:* dòng bột tiếp tục qua sàng tinh là dạng sàng lỗ. Khi qua lỗ sàng sẽ tách loại các loại rác có kích thước nhỏ từ 1,5 -2 mm.
- *Phân tách sợi:* Sau khi huyền phù bột giấy đã được loại bỏ tạp chất, tiếp tục chuyển sang công đoạn phân tách sợi để phân tách dòng xơ sợi theo 2 hay 3 phân đoạn bột sợi ngắn, sợi trung bình và sợi dài để dùng cho các mục đích khác nhau, nhằm cải thiện độ bền cơ lý của tờ giấy (do nguyên liệu giấy thu hồi đã được tái chế nhiều lần, xơ sợi càng bị cắt ngắn và kém bền hơn). Bột sợi dài dùng làm lớp mặt tờ giấy vì nó làm tăng độ bền cơ lý và tính mỹ quan của giấy. Bột sợi trung bình dùng làm mặt sau tờ giấy và bột sợi ngắn dùng làm lớp giữa tờ giấy. Phân tách sợi được thực hiện thông qua sàng áp lực 2 cấp dạng lỗ. Lỗ sàng ở đây thường nhỏ khoảng 1,4 mm, nồng độ bột khoảng 3,5 - 4%. Sau khi phân tách ra 2-3 phân đoạn sợi, từng loại sợi được tách riêng và được đưa vào bể chứa để chuyển qua công đoạn cô đặc bột.
- *Cô đặc bột:* Sàng và lọc huyền phù bột giấy thường được thực hiện ở nồng độ thấp (loãng) để dễ dàng tách tạp chất. Trong khi đó quá trình nghiền cần được thực hiện ở mức nồng độ cao hơn. Do đó, bột giấy cần qua công đoạn cô đặc bột bằng đĩa chân không hiệu suất cao. Ở đây nồng độ của dòng bột ra được nâng lên đến 25–30%. Dòng bột được bơm vào hộp nhập liệu qua vùng cấp liệu. Dòng bột chảy tràn theo hướng ngược theo chiều đĩa quay. Mức dòng bột được điều chỉnh thông qua tốc độ quay của đĩa. Riêng sợi trung bình và sợi dài (xơ sợi bột giấy có kích thước dài): bột sau khi qua công đoạn cô đặc được nghiền để phát triển tới mức tốt nhất tính chất tạo thành tờ giấy của bột. Nghiền đĩa thích hợp cho việc chổi hoá xơ sợi. Quá trình chà xát trong máy nghiền làm bề mặt xơ sợi bị xơ ra, diện tích bề mặt xơ sợi tăng, tăng khả năng tạo liên kết do đó làm tăng độ bền cơ lý của giấy.
- Bột xeo tạo ra từ công đoạn chuẩn bị bột được chứa trong các bể chứa bột xeo lớp mặt, bột xeo lớp lưng và bột xeo lớp giữa cho tờ giấy. Từ bể chứa riêng biệt ở công đoạn chuẩn bị bột, từng loại bột xeo được đưa vào bể chứa đầu máy là bể chứa lớn có khuấy liên tục dùng để chứa bột sau khi đã phối trộn. Tại bể chứa đầu máy này, các chất phụ gia (phèn nhôm – điều chỉnh pH; trợ bảo lưu; nước) được bổ sung và phối trộn với bột giấy để tăng cường thêm những tính chất cần thiết cho tờ giấy.

Hình ảnh hệ thống xử lý tạo bột giấy



(Nguồn: CTCP TM và DV Giấy Thuận An)

7.2.2 Hệ thống máy xeo

Chi tiết quy trình xeo giấy như sau:

- Giai đoạn xeo giấy:



Máy xeo bao gồm thùng đầu, bàn tạo hình, lưới, ép, ép guốc, ép gia keo, sấy, cuộn cuộn. Công đoạn tạo thành tờ giấy trên lưới máy xeo được thực hiện ở phần đầu máy xeo. Khi đó, bột được phân bố đều trong thùng đầu và được phun lên lưới xeo để hình thành lớp bề mặt, lớp giữa và lớp đáy tờ giấy. Trong công đoạn này dòng bột loãng được phun lên mặt lưới, một phần nước từ dòng bột được thoát đi qua lưới và tờ giấy được hình thành.

Giai đoạn xeo giấy bao gồm cả công đoạn rửa lưới để làm sạch lớp bột giấy phía dưới lưới, công đoạn này sử dụng nước cấp từ hệ thống cấp nước. Lượng nước thải phát sinh từ công đoạn xeo giấy sẽ được thu hồi về bể chứa nước tuần hoàn để xử lý thông qua hệ thống tuyển nổi và lắng để tách loại tạp chất không mong muốn trước khi tái sử dụng lại cho các khâu nghiền xay thủy lực, phối chế nhằm tiết kiệm nước và tận dụng những thành phần hóa chất sản xuất.

- *Giai đoạn ép:*

Công đoạn ép được thực hiện tại bộ phận ép của máy xeo là công đoạn dùng lực ép cơ học để vắt nước trong tấm giấy càng nhiều càng tốt, giúp cho công đoạn sấy sau đó đỡ tốn hơi để sấy. Ở bộ phận lưới, nước được thu hồi và tuần hoàn sử dụng.

Nước thoát ra từ tấm bột ướt thu hồi được ở phần dưới của bộ phận lưới trên máy xeo. Nước này có chứa xơ sợi mịn và những chất phụ gia có trong thành phần bột giấy. Nồng độ của những chất này giảm dần từ phần đầu đến phần cuối của bộ phận lưới. Nồng độ bột mịn trong nước trắng thoát ra ở phần đầu bộ phận lưới khoảng 0,01 – 0,02% (so với nồng độ của bột khi phun lên lưới là 0,5 – 1%).

Lượng nước thải phát sinh từ công đoạn ép giấy và cô đặc ở trên cũng được thu hồi về bể chứa nước tuần hoàn để xử lý thông qua hệ thống tuyển nổi và lắng để tách loại tạp chất không mong muốn trước khi tái sử dụng lại cho các khâu nghiền xay thủy lực, phối chế nhằm tiết kiệm nước và tận dụng những thành phần hóa chất sản xuất.

Sau khi qua bộ phận lưới, tấm bột có độ khô khoảng 18 – 22%, nó được tiếp tục đưa sang bộ phận ép của máy xeo. Sau khi qua bộ phận ép, độ khô của tờ giấy đạt 40 – 50%, tiết kiệm được lượng hơi đáng kể để sấy khô tờ giấy.

- *Giai đoạn sấy:*

Công đoạn sấy được thực hiện trong bộ phận sấy của máy xeo là công đoạn làm bay hơi gần như toàn bộ lượng nước còn lại trong tờ giấy nhờ tờ giấy áp sát vào bề mặt lò sấy bên trong có hơi nóng. Kết quả là nhờ nhiệt độ cao của hơi nóng mà nước trong giấy sẽ bay hơi và tờ giấy được làm khô.

- *Giai đoạn gia keo:*

Từ bộ phận ép tấm bột được đưa vào bộ phận sấy sơ bộ, rồi tới ép gia keo bề mặt. Máy xeo có bộ phận gia keo bề mặt ngay trên máy xeo. Bộ phận này nằm ở giữa bộ phận sấy của máy xeo. Nó gồm 2 lô đặt ép sát vào nhau, bên dưới mỗi lô có máng chứa chất gia keo cho bề mặt tấm giấy. Giấy được gia keo với tinh bột nhằm tăng độ bền, vẻ ngoại quang với thiết bị ép gia keo. Lượng tinh bột gia keo áp lên mỗi mặt giấy có thể từ 2-16 g/m², tùy thuộc vào yêu cầu chất lượng và độ thấm thấu keo của tờ giấy.

Tiếp theo tấm giấy được đưa vào bộ phận sấy của máy xeo để sấy lại đến độ ẩm còn khoảng 7%.

- *Giai đoạn cuộn giấy:*

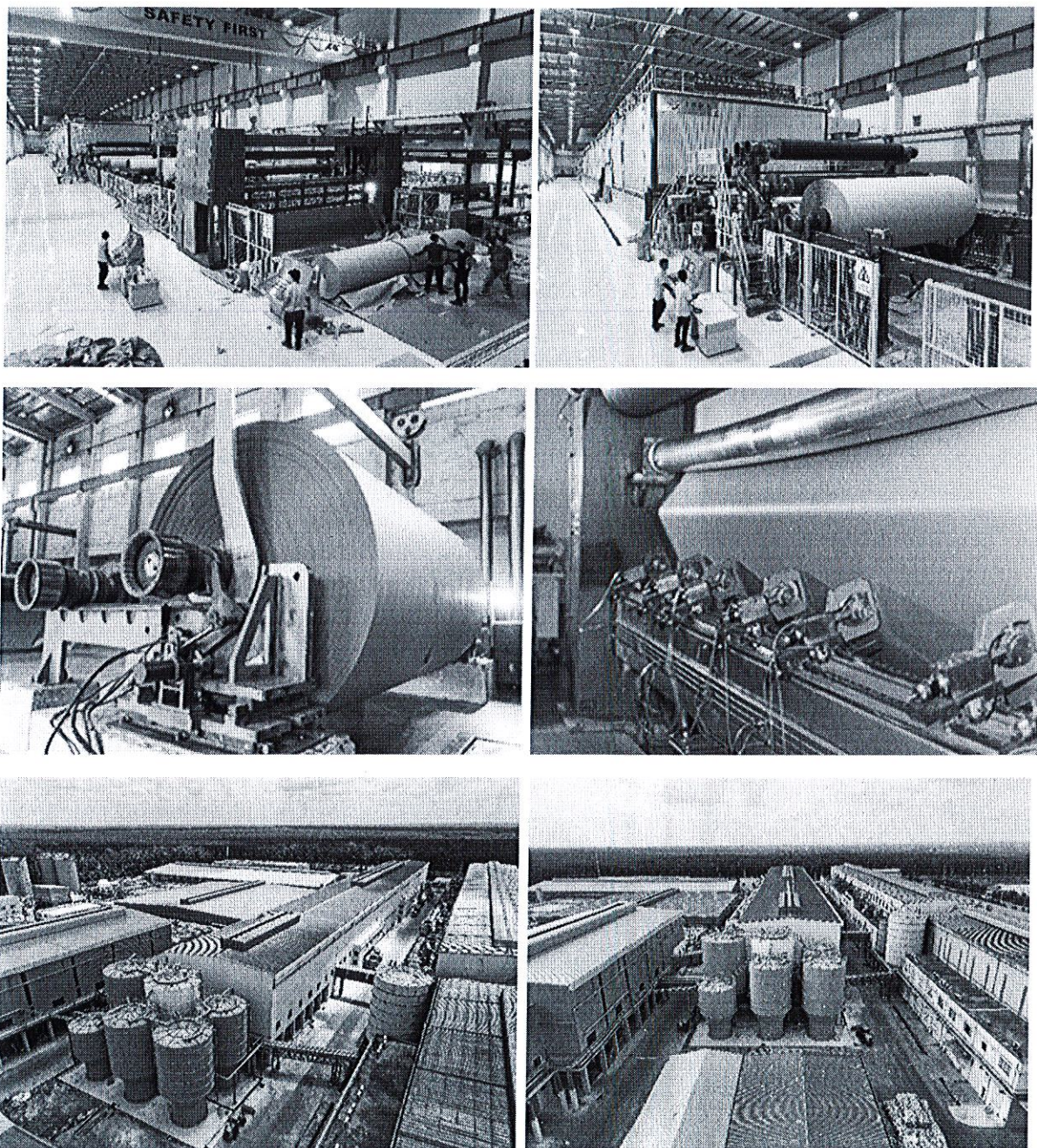
Bộ phận cuộn là bộ phận cuối cùng của máy xeo. Nó bao gồm một lõi kim loại đường kính nhỏ đặt nằm song song và tì lên một lô kim loại rỗng đường kính lớn quay liên tục (gọi là lô cuộn).

Tấm giấy được luân qua khe ép giữa lõi và lô cuộn rồi cuộn vào lõi. Khi lõi tì lên lô lớn và quay theo lô lớn thì tấm giấy sẽ được tự động cuộn liên tục cho đến khi đường kính cuộn giấy đạt kích thước.

Từ cuộn giấy lớn, giấy được cắt tạo thành cuộn giấy nhỏ hơn theo kích thước yêu cầu.

Cuộn giấy được cẩu ra ngoài. Lõi được rút ra khỏi cuộn và lắp lại vào máy xeo để tiếp tục cho công đoạn cuộn giấy tiếp theo. Cuộn giấy được cân trọng lượng, dán nhãn thủ công rồi chuyển vào kho thành phẩm.

Hình ảnh hệ thống máy xeo

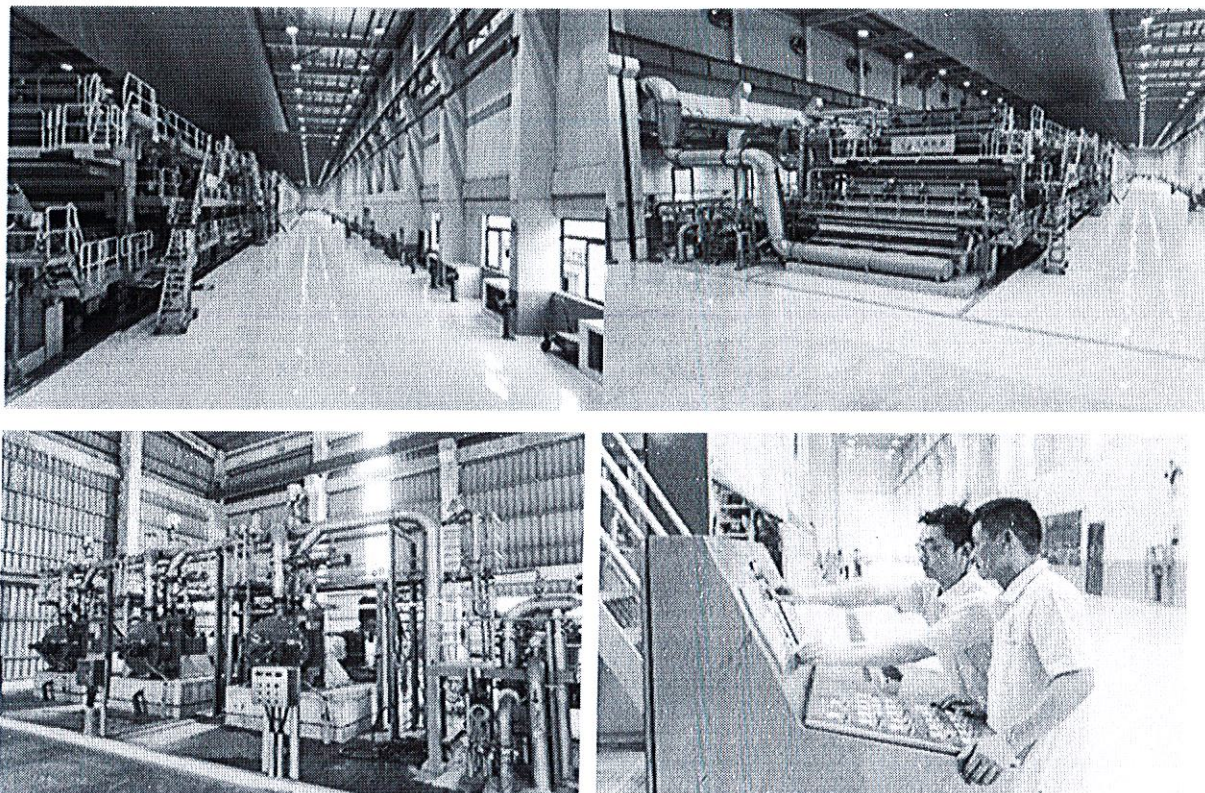


(Nguồn: CTCP TM và DV Giấy Thuận An)

7.2.3 Hệ thống điện tự động

Nhà máy sản xuất giấy của Thuận An đầu tư trang bị hệ thống điều khiển giám sát tự động (DCS) và kiểm soát chất lượng (QCS): Hệ thống áp dụng những công nghệ mới nhất và tiên tiến nhất như hệ thống điều khiển giám sát nhà máy DCS, hệ thống điều khiển tự động máy xeo giấy MCS, hệ thống kiểm soát chất lượng QCS tự động kiểm tra và điều chỉnh tức thì trong khi chạy để kiểm soát định lượng, độ ẩm, độ dày và màu sắc, bảo đảm chất lượng ổn định trên toàn bộ cuộn giấy. Hệ thống được đảm bảo cho máy xeo giấy vận hành tốt nhất cho ra những sản phẩm đạt chất lượng theo yêu cầu sản xuất.

Hình ảnh hệ thống điện tự động

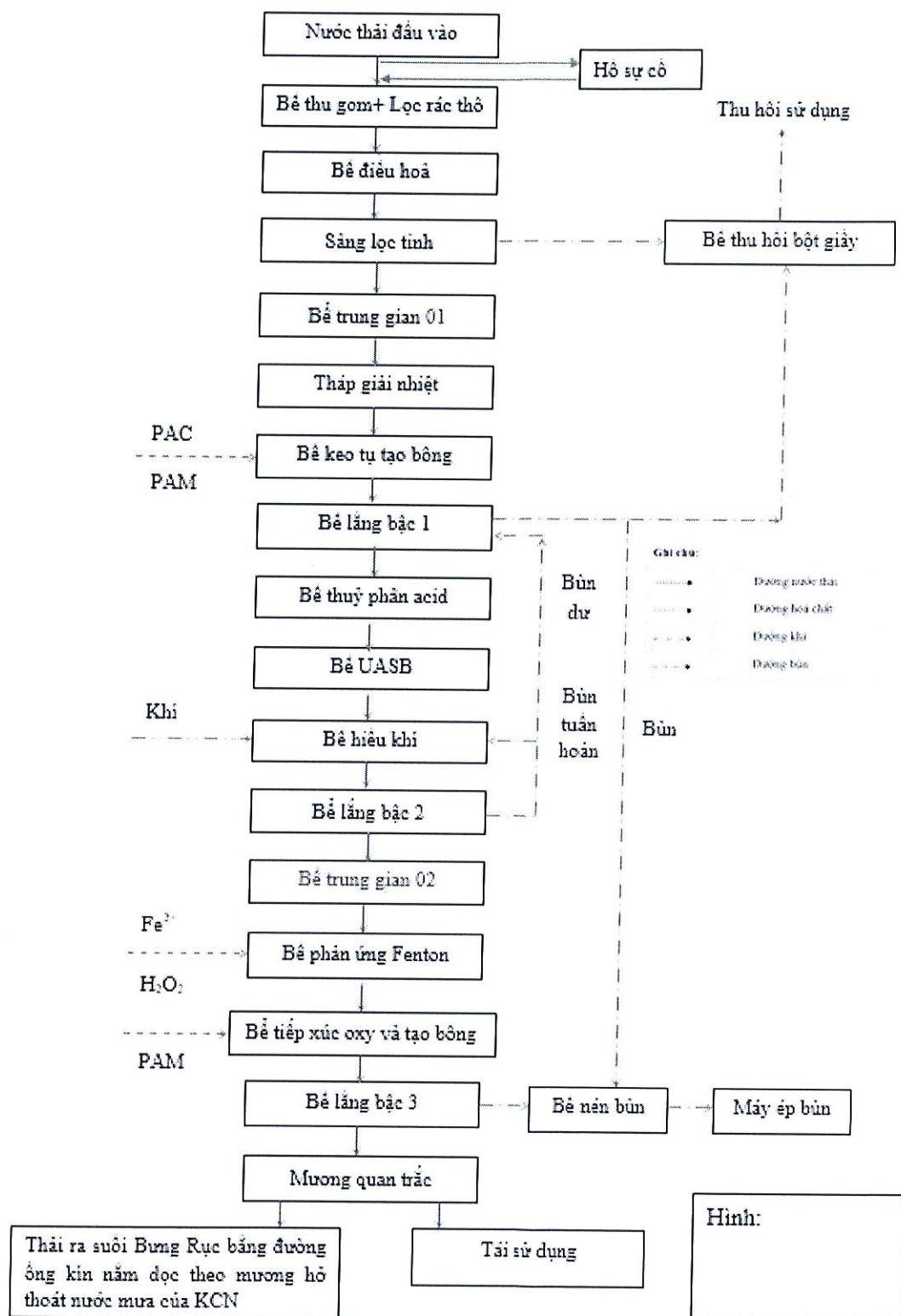


(Nguồn: CTCP TM và DV Giấy Thuận An)

7.2.4 Hệ thống xử lý nước thải

Song song chiến lược nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, trong quá trình phát triển, Công ty Thuận An luôn ý thức được trách nhiệm của công ty trong việc bảo vệ môi trường. Với phương châm “Môi trường xanh là ưu tiên hàng đầu”, Công ty đã đầu tư 93.627.066.844 đồng để lắp đặt hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1 và giai đoạn 2 đầu tư 158.728.876.788 đồng với công nghệ hiện đại tổng chi phí lên tới 252.355.943.632 đồng.

Hệ thống xử lý nước thải với Quy trình xử lý nước thải với công suất thiết kế 7.000 m³/ngày đêm như sau:



Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải hiện nay của dự án

Ghi chú:



Đường nước thải



Đường hoá chất

- > Đường khí
- > Đường bùn

Nước thải sinh hoạt, sản xuất và nước mưa từ khu vực chứa giấy phế liệu được thu gom và dẫn qua lưới lọc rác thô để loại bỏ tạp chất lớn, sau đó đưa vào bể điều hòa nhằm ổn định lưu lượng – nồng độ. Bể điều hòa được trang bị máy khuấy để tránh lắng cặn.

Tiếp theo, nước được bơm qua sàng lọc tinh để tách phần bột giấy, lượng bột này được thu hồi và đưa về sản xuất. Nước sau lọc tinh chảy vào bể trung gian, rồi được bơm lên tháp giải nhiệt để hạ nhiệt từ khoảng 50°C xuống còn ~38°C, phù hợp cho xử lý sinh học.

Sau làm mát, nước thải được dẫn vào bể keo tụ dùng PAC, PAM để tạo bông, rồi sang bể lắng bậc 1 để tách cặn. Bùn lắng được đưa về bể nén bùn, còn phần chứa bột giấy được thu hồi.

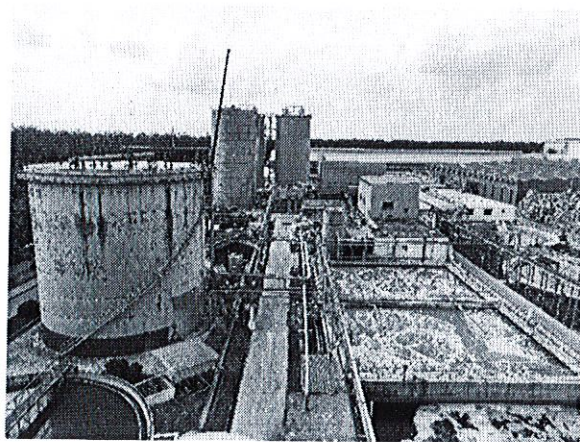
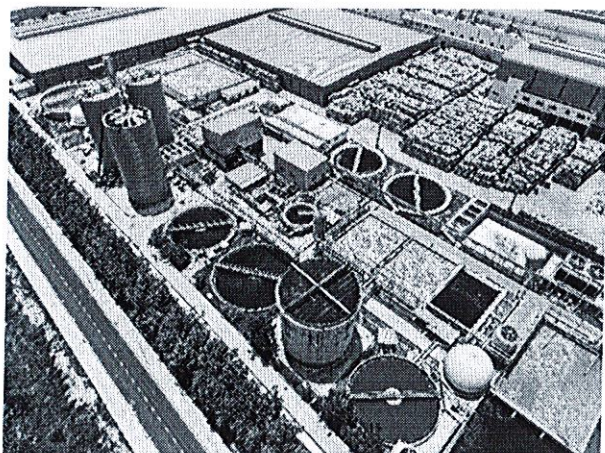
Nước trong tiếp tục sang bể thủy phân acid, nơi các chất hữu cơ phức tạp được phân cắt thành dạng đơn giản, hỗ trợ cho quá trình kỵ khí. Từ đây, nước được bơm vào bể UASB, nơi vi sinh vật kỵ khí phân hủy chất hữu cơ và sinh khí CH_4 , CO_2 , H_2S . Nước sau UASB được chuyển sang bể hiếu khí để xử lý tiếp bằng bùn hoạt tính, sau đó qua bể lắng bậc 2 để tách bùn (một phần tuần hoàn, phần dư đưa đi nén bùn).

Nước sau lắng 2 được dẫn sang bể trung gian và tiếp tục bơm qua bể phản ứng Fenton nhằm xử lý triệt để các chất hữu cơ khó phân hủy bằng cơ chế oxy hóa mạnh. Sau đó nước qua bể tiếp xúc oxy – tạo bông và bể lắng bậc 3 để loại bỏ hoàn toàn cặn, bông bùn còn lại. Bùn được ép và kiểm tra tính chất để xử lý theo quy định.

Nước sau lắng 3 được đưa qua mương quan trắc, đảm bảo đạt QCVN 12-MT:2015/BTNMT và QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước khi thải ra môi trường. Một phần nước (~1.068 $\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$) được tái sử dụng cho công đoạn xay thủy lực trong sản xuất giấy, lượng còn lại (~4.595,4 $\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$) thải ra suối Bưng Rục.

Hệ thống có hồ sơ cở 3.523 m^3 để chứa nước thải khi nhà máy gặp tình huống dừng vận hành.

Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải

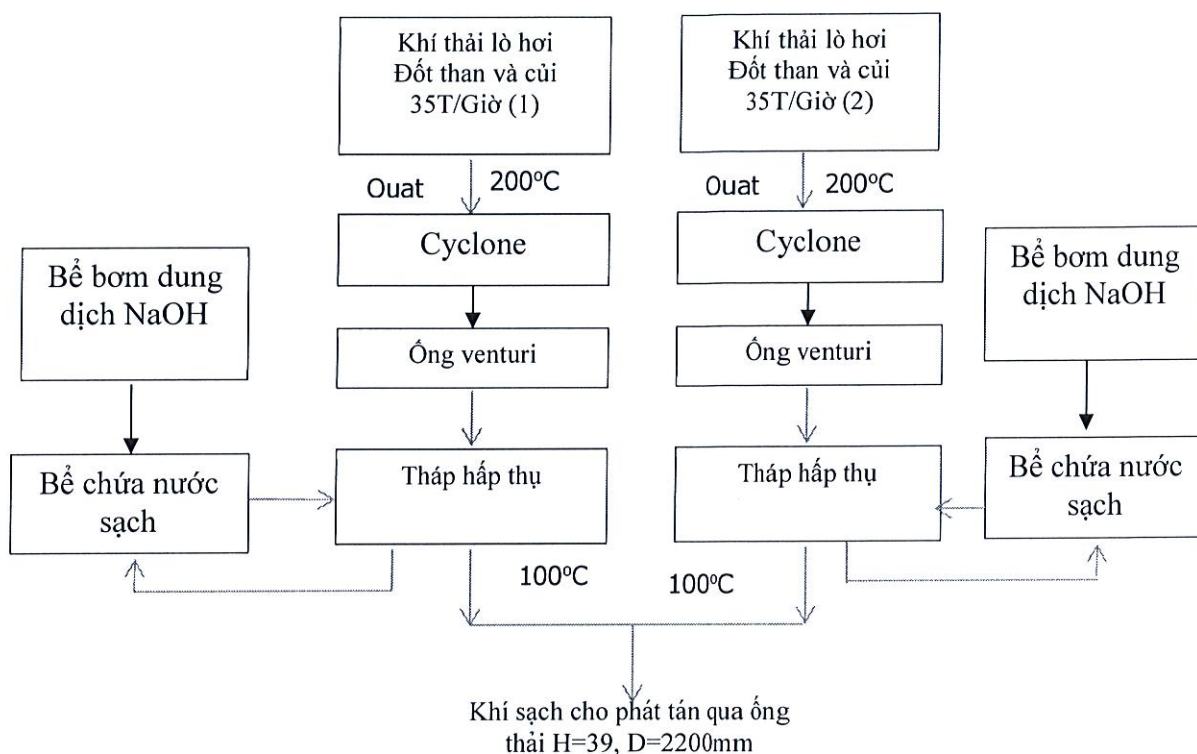


(Nguồn: CTCP TM và DV Giấy Thuận An)

7.2.5 Hệ thống xử lý bụi và khí thải lò hơi

❖ **Biện pháp xử lý khí thải lò hơi đốt than đá và củi 35 tấn hơi/giờ**

Để giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của 02 lò hơi, Công ty đã lắp đặt 2 hệ thống xử lý khí thải (HTXLKT) độc lập cho 2 lò hơi, khí thải từ 2 lò hơi sau khi qua HTXLKT riêng sẽ thoát ra chung 1 ống khói đảm bảo đạt quy chuẩn theo quy định trước khi xả thải ra môi trường. Công suất của 1 HTXLKT là 100 m^3 khí thải/s. Quy trình công nghệ xử lý như hình sau:



Công nghệ xử lý khói thải lò hơi hiện hữu

Thuyết minh quy trình:

Khí thải lò hơi được hút về hệ thống xử lý bằng quạt hút, nhiệt độ khoảng 2000°C. Khí thải được hút qua thiết bị Cyclone tổ hợp để tách lượng tro, bụi có trong khí thải, hiệu suất tách tro bụi của Cyclone đạt khoảng 90 – 95%.

Khói thải được dẫn qua ống venturi, khí thải chứa bụi đi qua ống venturi sau đó khí sẽ chuyển động xoáy theo phương tiếp tuyến trong thân hình trụ và đi lên ra ngoài. Tại chỗ thắt của ống venturi có lắp vòi phun nước, khi khí thải đi qua với vận tốc lớn sẽ cuốn theo nước và tạo thành các giọt nước mịn. Bụi trong khí thải sẽ va đập quán tính vào các giọt nước và bị giữ lại trên bề mặt giọt nước. Sau đó khi các hạt nước mang theo bụi chuyển động xoắn ốc trong thân hình trụ sẽ bị ép vào thành và trượt xuống theo ống xả ra ngoài.

Khí thải sau khi tách tro, bụi được dẫn qua tháp hấp thụ bằng dung dịch xút NaOH loãng để trung hòa các khí axit trong khói thải. Tại tháp hấp thụ sẽ diễn ra quá trình hấp thụ vật lý của khí vào dung dịch thông qua quá trình truyền khối kết hợp với phản ứng hóa học axit – bazơ, giữ lại các khí ô nhiễm, hình thành các muối. Để dung dịch hấp thụ triệt để các khí có hại thì



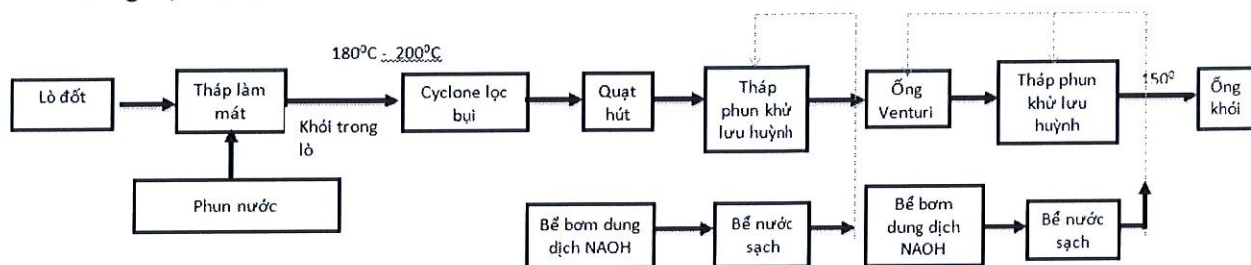
dung dịch phải có độ pH = 10 - 11. Để duy trì độ pH cao, công ty dùng bơm cấp NaOH trực tiếp vào ống dẫn liên tục thông qua thiết bị dò độ pH.

Sau khi qua tháp hấp thụ, nhiệt độ khí thải giảm xuống còn khoảng 100°C, khí thải được thải ra môi trường qua ống thải cao H=39m, D=2.200 mm đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT theo quy định.

Dung dịch hấp thụ sau khi tiếp xúc với khí thải có nhiệt độ khoảng 70°C – 80°C, chứa ít bụi và muối, được dẫn về bể chứa dung dịch nhằm làm mát và lắng cặn. Sau đó, dung dịch được bổ sung NaOH và bơm tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình xử lý của hệ thống xử lý khí thải. Định kỳ 01 tuần thải bỏ 01 lần được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy để xử lý.

❖ **Biện pháp xử lý khí thải lò hơi đốt rác công nghiệp - công suất 35 tấn hơi/giờ**

Công ty vẫn lắp đặt lò đốt rác công nghiệp để tận dụng rác thải công nghiệp không nguy hại (như bã giấy, bùn từ hệ thống xử lý nước thải) đồng thời dùng thêm than đá làm nhiên liệu cho lò hơi công suất 35 tấn hơi/h và hệ thống xử lý khí thải công suất 20 m³ khí thải/s được đi kèm đồng bộ như sau:



Sơ đồ Quy trình xử lý khí thải lò hơi 35 tấn hơi/giờ

Khí thải sau khi trao đổi nhiệt với nồi hơi (35 tấn/h) có nhiệt độ khoảng 575°C được quạt hút đưa vào hệ thống làm mát, giảm nhiệt xuống khoảng 200°C.

Tiếp theo, khí thải đi qua thiết bị lọc bụi túi vải để giữ lại phần lớn bụi. Bụi được thu gom vào thùng chứa, đồng thời túi lọc được rung rũ định kỳ để tránh tắc nghẽn.

Khí sau tách bụi được dẫn vào tháp hấp thụ sử dụng dung dịch NaOH loãng nhằm trung hòa các khí axit. Tại đây diễn ra quá trình hấp thụ – phản ứng axit-bazơ, tạo thành các muối. Dung dịch hấp thụ được duy trì ở pH 10 – 11 để đạt hiệu quả tối ưu.

Khí tiếp tục qua ống Venturi, nơi bụi mịn được tách nhờ cơ chế phun sương nước và va đập quán tính. Các giọt nước mang bụi được đẩy vào thành thiết bị và chảy xuống ống xả.

Sau Venturi, khí lại đi qua tháp hấp thụ NaOH lần nữa để loại bỏ hoàn toàn các khí axit còn lại.

Khí thải đạt chuẩn được xả ra môi trường qua ống khói cao 30 m, đường kính 1.500 mm, đảm bảo tuân thủ QCVN 30:2010/BTNMT về khí thải lò đốt công nghiệp.

Hệ thống áp dụng các biện pháp phòng ngừa hình thành dioxin/furan:

- Kiểm soát chất lượng giấy phế liệu, không dùng loại chứa nylon/hợp chất halogen hữu cơ.